



THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 2016/QĐ-TTg

Hà Nội, ngày 21 tháng 10 năm 2026

QUYẾT ĐỊNH

**Phê duyệt Quy hoạch chung thành phố Đà Nẵng đến năm 2050,
tầm nhìn đến năm 2075**

Mã số thông tin quy hoạch: 482611069919

THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ

Căn cứ Luật Tổ chức chính phủ ngày 18 tháng 02 năm 2025;

*Căn cứ Luật Quy hoạch đô thị và nông thôn ngày 26 tháng 11 năm 2024;
Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Quy hoạch đô thị và nông thôn
ngày 11 tháng 12 năm 2025;*

*Căn cứ Nghị định số 178/2025/NĐ-CP ngày 01 tháng 7 năm 2025 của
Chính phủ về quy định chi tiết một số điều của Luật Quy hoạch đô thị và nông
thôn; Nghị định số 34/2026/NĐ-CP ngày 22 tháng 01 năm 2026 của Chính phủ
sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 178/2025/NĐ-CP ngày 01 tháng 7
năm 2025 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Quy hoạch đô
thị và nông thôn;*

*Căn cứ Quyết định số 614/QĐ-TTg ngày 04 tháng 4 năm 2026 của
Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt điều chỉnh quy hoạch vùng duyên hải
Nam Trung Bộ và Tây Nguyên thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050;*

*Căn cứ Quyết định số 891/QĐ-TTg ngày 22 tháng 8 năm 2024 của
Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Quy hoạch hệ thống đô thị và nông thôn thời
kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050 và Quyết định số 836/QĐ-BXD ngày 01
tháng 6 năm 2026 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng về Quy hoạch hệ thống đô thị
và nông thôn quốc gia thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050;*

*Căn cứ Quyết định số 628/QĐ-TTg ngày 06 tháng 4 năm 2026 của
Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt nhiệm vụ Quy hoạch chung thành
phố Đà Nẵng đến năm 2050, tầm nhìn đến năm 2075;*

*Theo đề nghị của Ủy ban nhân dân thành phố Đà Nẵng tại Tờ trình số
521/TTr-UBND ngày 05 tháng 10 năm 2026, Báo cáo thẩm định số 396/BC-BXD
ngày 01 tháng 10 năm 2026 và Văn bản số 16285/BXD-QHKT ngày 13 tháng
10 năm 2026 của Bộ Xây dựng.*

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt Quy hoạch chung thành phố Đà Nẵng đến năm 2050, tầm nhìn đến năm 2075 với các nội dung sau:

1. Phạm vi, quy mô và thời hạn lập quy hoạch

a) Phạm vi lập quy hoạch: Toàn bộ địa giới hành chính thành phố Đà Nẵng (bao gồm đặc khu Hoàng Sa) và phần không gian biển thuộc phạm vi quản lý theo quy định của pháp luật; ranh giới như sau:

- Phía Bắc: giáp thành phố Huế;
- Phía Nam: giáp tỉnh Quảng Ngãi;
- Phía Tây: giáp nước Cộng hòa Dân chủ Nhân dân Lào;
- Phía Đông: giáp Biển Đông.

b) Quy mô: Diện tích tự nhiên thành phố khoảng 11.870,34 km² và phần không gian biển thuộc phạm vi quản lý theo quy định của pháp luật.

c) Thời hạn quy hoạch: Ngắn hạn đến năm 2040; dài hạn đến năm 2050; tầm nhìn đến năm 2075.

2. Quan điểm, mục tiêu quy hoạch

a) Quan điểm quy hoạch

- Tuân thủ các quy định của pháp luật về quy hoạch, quy hoạch đô thị và nông thôn; bám sát các chủ trương, định hướng của Đảng, Nhà nước, chiến lược phát triển, quy hoạch tổng thể quốc gia, các quy hoạch ngành cấp quốc gia, quy hoạch vùng duyên hải Nam Trung Bộ và Tây Nguyên; kế thừa các nội dung còn giá trị và phát triển các định hướng chiến lược, quy hoạch đã được Thủ tướng Chính phủ, các bộ, ngành trung ương phê duyệt đối với khu vực Đà Nẵng.

- Tổ chức không gian phát triển theo mô hình tích hợp, đa cực, đa trung tâm, đa tầng, đa lớp; bảo đảm tính kế thừa, ổn định và linh hoạt, có khả năng thích ứng với biến động kinh tế - xã hội, khoa học - công nghệ và biến đổi khí hậu.

- Phát huy đồng bộ các mối liên kết đô thị - nông thôn, đô thị - di sản, sông - biển - rừng; kết hợp hài hòa phát triển kinh tế với văn hóa - xã hội, bảo vệ môi trường, sử dụng hiệu quả tài nguyên, bảo tồn di sản, bảo đảm an sinh xã hội, quốc phòng, an ninh và chủ quyền biển, đảo.

- Phát triển hệ thống hạ tầng kỹ thuật và hạ tầng xã hội đồng bộ, hiện đại, thông minh, có tính dẫn dắt và tạo khung phát triển; tăng cường kết nối nội vùng, liên vùng và quốc tế; thúc đẩy khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số gắn với chuyển đổi xanh và quản trị đô thị thông minh.

b) Mục tiêu quy hoạch

Đến năm 2050, xây dựng Đà Nẵng trở thành thành phố biển sinh thái, hiện đại, thông minh, giàu bản sắc, an toàn, đáng sống, có sức hấp dẫn và vị thế quốc tế; là cực tăng trưởng quan trọng của quốc gia; trung tâm quốc gia và khu vực về khởi nghiệp, đổi mới sáng tạo, logistics, kinh tế biển, thương mại, tài chính, thương mại tự do, khoa học, công nghệ, chuyển đổi số, kinh tế số, dữ liệu, du lịch - di sản, văn hóa - thể thao, giáo dục - đào tạo và y tế chất lượng cao; phát triển theo hướng tăng trưởng xanh, thích ứng với biến đổi khí hậu, bảo đảm quốc phòng, an ninh và chủ quyền biển, đảo.

3. Tầm nhìn quy hoạch

Đến năm 2075, Đà Nẵng là thành phố biển sinh thái, hiện đại, thông minh, kết nối toàn cầu, thuộc nhóm đô thị giàu bản sắc hàng đầu châu Á; từng bước đáp ứng các tiêu chí của đô thị đặc biệt.

4. Tính chất đô thị

- Thành phố trực thuộc trung ương, trung tâm kinh tế - xã hội lớn của cả nước và khu vực Đông Nam Á; cực tăng trưởng về du lịch; trung tâm về khởi nghiệp, đổi mới sáng tạo, du lịch, thương mại, tài chính, logistics, công nghiệp công nghệ cao, công nghệ số, công nghiệp hỗ trợ; trung tâm văn hóa - thể thao, giáo dục - đào tạo, y tế chất lượng cao, khoa học và công nghệ; đô thị có vị trí chiến lược trong hệ thống đô thị quốc gia, đầu mối giao thông và viễn thông chiến lược, kết nối đồng bộ các loại hình vận tải quốc gia.

- Trung tâm thương mại tự do, tài chính, văn hóa và tổ chức sự kiện quốc tế; trung tâm kết nối, lan tỏa các giá trị di sản thế giới; trung tâm trung chuyển hàng hóa và giao thông quốc tế thông qua hệ thống cảng biển, cảng hàng không; cửa ngõ ra biển quan trọng của tiểu vùng sông Mê Kông kết nối với ASEAN và quốc tế.

- Cực tăng trưởng phía Bắc vùng duyên hải Nam Trung Bộ và Tây Nguyên; đầu mối kết nối vùng duyên hải Nam Trung Bộ và Tây Nguyên với vùng Bắc Trung Bộ, Cộng hòa Dân chủ Nhân dân Lào và các nước ASEAN; Trung tâm liên kết, lan tỏa các giá trị di sản thế giới.

- Địa bàn có vị trí chiến lược đặc biệt quan trọng về quốc phòng, an ninh.

5. Dự báo phát triển

a) Dân số, lao động, khách du lịch

- Quy mô dân số (bao gồm dân số dự kiến cho các khu vực lấn biển):

+ Đến năm 2040: khoảng 5,5 triệu người, trong đó dân thường trú khoảng 4,7 triệu người.

+ Đến năm 2050: trên 6,5 triệu người, trong đó dân số thường trú khoảng 5,4 triệu người.

- Quy mô lao động: Dân số trong độ tuổi lao động chiếm khoảng 55 - 60% dân số thường trú đến năm 2040, tương đương khoảng 2,58 - 2,82 triệu người; khoảng 60 - 65% dân số thường trú đến năm 2050, tương đương khoảng 3,24 - 3,51 triệu người.

- Khách du lịch, lưu trú: Khoảng 105 - 110 triệu lượt vào năm 2040; khoảng 130 - 135 triệu lượt vào năm 2050.

b) Nhu cầu sử dụng đất quy hoạch

- Năm 2040: Đất xây dựng khoảng 167.760 ha - 173.840 ha.

- Năm 2050: Đất xây dựng khoảng 192.250 ha - 196.230 ha.

c) Chỉ tiêu kinh tế kỹ thuật

Các chỉ tiêu kinh tế - kỹ thuật áp dụng theo quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về quy hoạch đô thị và nông thôn, tiêu chuẩn chuyên ngành hiện hành và phù hợp với đặc điểm từng khu vực đô thị, nông thôn, miền núi, hải đảo, khu vực phát triển theo định hướng giao thông công cộng (TOD), khu vực lấn biển và các khu vực có tính chất đặc thù.

6. Mô hình - cấu trúc

Mô hình chuỗi đô thị đa cực, đa trung tâm, đa tầng, đa lớp, với cấu trúc “3 vùng - 3 cực - 2 trục - 4 hành lang”, gồm:

- Ba vùng phát triển: Vùng ven biển phía Đông, tập trung kinh tế công nghiệp, dịch vụ và đô thị; vùng trung du, miền núi phía Tây, tập trung sinh thái, nông nghiệp và di sản; vùng biển phía Đông, quần đảo Hoàng Sa và các hải đảo khác.

- Ba cực phát triển: Cực phía Bắc gồm khu vực đô thị Đà Nẵng hiện hữu và mở rộng, Điện Bàn, Hội An, các khu đô thị lấn biển, tập trung dịch vụ, tài chính, du lịch, di sản, công nghiệp công nghệ cao và logistics; cực phía Nam gồm Chu Lai, Tam Kỳ, Núi Thành, tập trung công nghiệp, năng lượng, logistics, khoa học - công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số; cực liên kết Nam Hội An gồm Duy Xuyên, Thăng Bình, Quế Sơn, tập trung phát triển đô thị mới, du lịch và thương mại.

- Hai trục liên kết Bắc - Nam: Phía Đông gắn với các hệ thống giao thông quốc gia (Quốc lộ 1, cao tốc Bắc - Nam, đường ven biển quốc gia, đường sắt Bắc - Nam, đường sắt tốc độ cao quốc gia) kết nối với thành phố Huế và tỉnh Quảng Ngãi; các hệ thống giao thông đô thị gồm đường đô thị tốc độ cao, đường sắt đô thị, đường thủy nội địa kết nối các cực phát triển của thành phố. Phía Tây gắn với đường Đông Trường Sơn và đường Hồ Chí Minh, tuyến đường mới phía Tây thành phố, kết nối các khu vực miền núi, cửa khẩu, Tây Nguyên và thành phố Huế.

- Bốn hành lang Đông - Tây: (1) Quốc lộ 40B kết nối phát triển đô thị, đồng bằng với miền núi, vùng căn cứ cách mạng, vùng trung du, vùng được liệu; (2) Quốc lộ 14E, 14H (nay là ĐT 603B, ĐT 610, ĐT608) và tuyến đường Hồ Chí Minh qua Khâm Đức nối với cửa khẩu quốc tế Bờ Y, là trục giao lưu với khu vực Tây Nguyên, Nam Lào và Bắc Campuchia; (3) Quốc lộ 14D nối với cửa khẩu quốc tế Nam Giang, thúc đẩy giao lưu kinh tế, hàng hóa với các nước trên hành lang kinh tế Đông - Tây 2; (4) Quốc lộ 14G (nay là ĐT 604) kết nối vùng Đông (trung tâm đô thị) với cửa khẩu Tây Giang.

7. Định hướng phát triển không gian

a) Định hướng phát triển không gian tổng thể

- Tôn trọng và thích ứng với khung sinh thái - tự nhiên, gồm: Hệ thống Vườn quốc gia và Khu bảo tồn; hành lang thoát lũ và không gian thích ứng với nước, vùng trữ lũ chiến lược; hành lang nông nghiệp xanh Núi - Biển; vành đai - hành lang xanh sinh thái tự nhiên; bảo đảm tính liên tục của các hành lang sinh thái, duy trì không gian mở và hạn chế phát triển đô thị tại các khu vực nhạy cảm về môi trường, thiên tai.

- Hình thành chuỗi đô thị đa trung tâm theo từng cực phát triển; khai thác hiệu quả không gian biển, không gian ngầm, mặt đất và trên cao; tăng hiệu quả sử dụng đất, duy trì và mở rộng không gian mở, không gian công cộng, tăng khả năng thích ứng của đô thị; tích hợp các lớp không gian di sản văn hóa, sinh thái và quản trị số, tạo bản sắc đô thị, thúc đẩy kinh tế tri thức và phát triển bền vững.

- Đối với các khu vực đô thị hiện hữu: khai thác tối ưu quỹ đất phát triển gắn với chỉnh trang, tái thiết đô thị; chủ động dự trữ không gian và công suất hạ tầng kỹ thuật, quỹ đất hạ tầng xã hội nhằm tăng khả năng dung nạp dân số trong các giai đoạn tiếp theo.

- Tăng cường liên kết vùng: liên kết với thành phố Huế hình thành trung tâm văn hóa, giáo dục, du lịch và y tế chuyên sâu có quy mô, vai trò khu vực Đông Nam Á; liên kết với tỉnh Quảng Ngãi hình thành hệ sinh thái đổi mới sáng tạo, nghiên cứu và phát triển về công nghiệp, năng lượng, môi trường; tăng cường liên kết logistics khu vực Dung Quất - Chu Lai với Tây Nguyên và các vùng lân cận.

b) Định hướng phát triển hệ thống đô thị

Tổ chức phát triển hệ thống đô thị theo hướng đồng bộ, hoàn thiện và nâng cao chất lượng các tiêu chí đô thị loại I cho toàn thành phố Đà Nẵng; chuẩn bị các điều kiện để hướng tới đô thị đặc biệt trong giai đoạn tầm nhìn.

Đến năm 2050, định hướng toàn thành phố có khoảng 30 đô thị, gồm 23 đô thị hiện hữu và 07 đô thị mới hình thành từ đơn vị hành chính cấp xã, cụ thể:

- Đô thị loại II, gồm 04 đô thị:

+ Đô thị Đà Nẵng (vùng lõi hiện hữu và các khu đô thị lấn biển) đóng vai trò hạt nhân dẫn dắt, là trung tâm tài chính quốc tế, trung tâm kinh tế lớn của quốc gia về du lịch, thương mại tự do, dịch vụ tài chính ngân hàng, logistics có vị trí quan trọng trong chiến lược phát triển đô thị quốc gia; là trung tâm văn hóa thể dục thể thao, giáo dục đào tạo, trung tâm khoa học kỹ thuật, công nghệ, đổi mới sáng tạo miền trung và Tây Nguyên; là đầu mối giao thông, viễn thông quan trọng của vùng, quốc gia và quốc tế; là một trong những địa bàn giữ vị trí chiến lược quan trọng về quốc phòng an ninh khu vực Nam Trung Bộ, Tây Nguyên và cả nước. Diện tích tự nhiên khoảng 67.737 ha (không bao gồm diện tích các khu vực lấn biển khoảng 2.050 ha), dân số dự báo đến năm 2050 khoảng 2.260.000 người (không bao gồm dự báo quy mô dân số khoảng 400.000 người tại các khu vực đô thị lấn biển).

+ Đô thị Tam Kỳ là trung tâm nghiên cứu đổi mới sáng tạo, kinh tế, văn hóa, y tế, giáo dục với vai trò đô thị động lực thuộc cực phát triển khu vực phía Nam thành phố, đầu mối phát triển tuyến kinh tế ven biển hỗ trợ dịch vụ cho Khu kinh tế mở Chu Lai. Diện tích tự nhiên khoảng 9.396 ha. Dân số dự báo đến năm 2050 khoảng 275.000 người.

+ Đô thị Hội An là đô thị hạt nhân du lịch trong tam giác di sản: Hội An - Cù Lao Chàm - Mỹ Sơn; là trung tâm về du lịch, văn hóa, trung tâm nghỉ dưỡng, trung tâm văn hóa và lễ hội cấp quốc gia, quốc tế. Diện tích tự nhiên khoảng 6.355 ha. Dân số dự báo đến năm 2050 khoảng 230.000 người.

+ Đô thị Điện Bàn: đô thị động lực gắn kết với đô thị Đà Nẵng và khu vực đô thị cổ Hội An. Là đô thị sinh thái hiện đại, có không gian đặc thù vùng ven biển, ven sông, phát triển xanh và bền vững; tập trung phát triển kinh tế biển, công nghiệp văn hóa, dịch vụ, thương mại. Diện tích tự nhiên khoảng 21.626 ha. Dân số dự báo đến năm 2050 khoảng 605.000 người.

- Đô thị loại III, gồm 26 đô thị: 11 đô thị hiện hữu: Núi Thành, Hòa Tiến, Thanh Mỹ, Praq, Trung Phước, Tak Pỏ, Atieng, Tiên Kỳ, Tân Bình, Khâm Đức, Trà My; 8 đô thị mở rộng: Hòa Vang, Bà Nà, Chiên Đàn, Nam Phước, Thăng Bình, Đại Lộc, Quế Sơn, Xuân Phú; 7 đô thị mới: Duy Nghĩa, Thăng An, Thăng Trường, Thăng Điền, Tây Hồ, Vu Gia, Hoàng Sa.

Các đô thị loại III ở phía Đông: đóng vai trò liên kết, bổ trợ kinh tế nội vùng về hạ tầng, dịch vụ, du lịch, công nghiệp, nhà ở, dịch vụ thủy sản... Trong đó, đô thị động lực Núi Thành với định hướng chính phát triển về logistics, công nghiệp quy mô lớn và dịch vụ hàng không; định hướng chuyển dịch mạnh sang mô hình công nghiệp mới theo hình thức khu công nghiệp sinh thái, sản xuất xanh, ưu tiên thu hút đầu tư các dự án công nghệ cao, giảm phát thải, thân thiện môi trường để bảo đảm phát triển bền vững; là đầu mối liên kết quan trọng phát triển hành lang của khu vực phía Nam thành phố Đà Nẵng - Quảng Ngãi.

Các đô thị loại III ở phía Tây: gắn với chức năng liên kết, là động lực phát triển của đô thị và vùng nông thôn liên kề, bảo tồn, bảo vệ hệ sinh thái, nông nghiệp công nghệ cao, dược liệu và phát triển kinh tế cửa khẩu.

c) Định hướng phát triển nông thôn

- Nông thôn ven đô: Là khu vực có khả năng kết nối cao với đô thị, chịu các tác động của quá trình đô thị hóa. Định hướng cải thiện cơ sở hạ tầng, nâng cao chất lượng sống để tạo điều kiện phát triển các hoạt động dịch vụ cho đô thị.

- Nông thôn ven biển: Là các làng chài ven biển phát triển mô hình làng nghề ngư nghiệp kết hợp hoạt động du lịch cộng đồng, trải nghiệm (văn hóa, ẩm thực, lễ hội cầu ngư...).

- Nông thôn vùng núi: Là vùng có tiềm năng, thế mạnh về phát triển nông nghiệp sinh thái, lâm nghiệp, du lịch làng quê, là nơi hội tụ các giá trị bản sắc văn hóa, truyền thống tiêu biểu đặc trưng. Phát huy tiềm năng về đất đai, nguồn nước phát triển kinh tế lâm nghiệp với định hướng xây dựng các vùng dược liệu đặc trưng, có giá trị kinh tế cao, trong đó lấy Sâm Ngọc Linh làm cây chủ lực, đồng thời phát triển các loại dược liệu quý khác gắn với bảo tồn đa dạng sinh học, gắn với hoạt động chế biến sâu, xây dựng thương hiệu và phát triển chuỗi giá trị.

- Định hướng chức năng gắn với phát triển nông thôn: hình thành các khu sản xuất nông lâm nghiệp tập trung và các trang trại tổng hợp ứng dụng công nghệ cao, phát triển các mô hình nông nghiệp các bon thấp; hình thành các vùng dược liệu dưới tán rừng kết hợp với chế biến sâu tại cực phía Tây, tập trung bảo tồn nguồn gen và phát triển chuỗi giá trị sâm Ngọc Linh; phát triển các mô hình du lịch sinh thái nông nghiệp gắn với không gian cảnh quan đặc trưng; bảo tồn, lưu giữ những giá trị tự nhiên, nguyên bản; thiết lập giới hạn không gian bảo tồn nghiêm ngặt về đa dạng sinh học, nguồn nước và giữ cân bằng môi trường cho toàn vùng.

d) Bảo tồn và khu vực hạn chế phát triển

- Bảo vệ nghiêm ngặt hành lang thoát lũ và phát triển hệ thống vùng trữ lũ liên hoàn, không gian sống thích ứng dọc các sông Thu Bồn - Vu Gia, Ly Ly, Gò Tre, Cầu Đỏ - Cẩm Lệ, Yên, Túy Loan, Quá Giáng, Vĩnh Điện và Cu Đê và các sông khác, hạ lưu hồ Phú Ninh (khu vực xã Tam Xuân) và các hồ khác, bao gồm các công viên ngập nước, hồ điều hòa; bảo tồn và mở rộng các vùng trữ nước tự nhiên để giảm tốc độ dòng chảy và trữ lũ.

- Bảo tồn cảnh quan thiên nhiên

+ Bán đảo Sơn Trà: Bảo tồn nghiêm ngặt hệ sinh thái rừng đặc dụng, đa dạng sinh học và cảnh quan tự nhiên đặc trưng; kiểm soát phát triển du lịch và hạn chế xây dựng tại các khu vực nhạy cảm sinh thái. Tuân thủ các quy định về an ninh, quốc phòng. Tôn trọng pháp lý đã có theo quy định của các dự án,

không quy hoạch phát triển đất ở mới; bảo đảm hài hòa với cảnh quan, địa hình tại khu vực.

+ Đèo Hải Vân - Hải Vân Quan: Bảo vệ cảnh quan núi rừng, di tích, hành lang sinh thái và hệ sinh thái rừng tự nhiên; phát triển du lịch sinh thái, du lịch trải nghiệm gắn với bảo tồn cảnh quan tự nhiên.

+ Khu vực các hồ: Hồ Phú Ninh; Hồ Hòa Trung, hồ Đồng Nghệ, và các hồ Khe Diên, Khe Tân, Vĩnh Trinh, ...: Bảo tồn cảnh quan hồ tự nhiên, hệ sinh thái vùng đệm và phát triển không gian sinh thái phục vụ dịch vụ du lịch sinh thái và cộng đồng. Rừng phòng hộ Nam Sông Bung, Bắc Sông Bung, A Vương, Đắk Mi và Sông Tranh: Bảo vệ rừng đầu nguồn, hạn chế sạt lở, điều hòa nguồn nước và duy trì hành lang sinh thái phía Tây. Dải ven biển Liên Chiểu - Sơn Trà - Ngũ Hành Sơn - Điện Bàn - Hội An - Thăng Bình - Núi Thành: Bảo tồn hệ sinh thái ven biển, bãi cát tự nhiên, rừng phòng hộ ven biển và hành lang cảnh quan biển; kiểm soát phát triển xây dựng ven biển và bảo đảm không gian tiếp cận biển cho cộng đồng.

- Hệ thống Vườn quốc gia và Khu bảo tồn gồm Vườn quốc gia Sông Thanh và một phần Bạch Mã, khu bảo tồn thiên nhiên Bà Nà - Núi Chúa, khu bảo tồn thiên nhiên Ngọc Linh, khu bảo tồn thiên nhiên Cù Lao Chàm, khu bảo tồn loài và sinh cảnh Sao La, khu bảo tồn Voi Quảng Nam, khu bảo tồn Pơ Mu, khu bảo tồn biển Sơn Trà.

- Bảo tồn và phát huy giá trị các khu vực di tích lịch sử - văn hóa, danh lam thắng cảnh, di sản văn hóa vật thể và phi vật thể. Đô thị cổ Hội An: Bảo tồn nghiêm ngặt cấu trúc đô thị cổ, hệ thống kiến trúc truyền thống, không gian thương cảng và cảnh quan ven sông Hoài, kiểm soát chặt chẽ chiều cao, mật độ xây dựng và kiến trúc công trình trong khu vực di sản và vùng đệm nhằm giữ gìn giá trị Di sản văn hóa thế giới. Khu đền tháp Mỹ Sơn: Bảo tồn quần thể kiến trúc Chăm Pa cổ, cảnh quan thung lũng và hệ sinh thái rừng bao quanh, hạn chế tác động của phát triển du lịch và xây dựng mới ảnh hưởng đến giá trị di sản khảo cổ và văn hóa. Phát huy vai trò là trung tâm nghiên cứu, bảo tồn và giới thiệu văn hóa Chăm Pa tầm quốc gia và quốc tế. Danh thắng Ngũ Hành Sơn: Bảo tồn cảnh quan núi đá, hang động, chùa, ma nhai và hệ thống di tích lịch sử - văn hóa; và các di tích lịch sử - văn hóa, danh lam thắng cảnh khác.

- Bảo tồn các không gian văn hóa, làng nghề: Không gian văn hóa Cơ Tu Tây Giang - Đông Giang; Làng rau Trà Quế; làng gốm Thanh Hà; làng cổ Lộc Yên; làng cổ Túy Loan, Phong Nam, ...: Bảo tồn kiến trúc truyền thống và không gian đặc trưng gắn liền.

đ) Khu vực có ý nghĩa quan trọng quốc gia về chính trị, an ninh, quốc phòng:

Đặc khu Hoàng Sa: Là đơn vị hành chính đặc thù, tập trung triển khai các giải pháp, hoạt động chiến lược nhằm bảo vệ vững chắc và thực thi chủ quyền biển đảo của Việt Nam đối với quần đảo Hoàng Sa. Việc tổ chức không gian và phát triển tại đặc khu Hoàng Sa được gắn chặt với yêu cầu bảo tồn hệ sinh thái biển, khai thác hợp lý tài nguyên, đồng thời tạo nền tảng cho các hoạt động nghiên cứu khoa học biển, hậu cần nghề cá ven bờ và các hoạt động kinh tế biển bền vững, phù hợp trong dài hạn.

e) Bảo đảm quốc phòng, an ninh

Quy hoạch, sắp xếp, nâng cấp, cải tạo chỉnh trang đất quốc phòng, an ninh phải bảo đảm phù hợp với quy hoạch sử dụng đất quốc phòng, quy hoạch sử dụng đất an ninh đã được duyệt và phương án tổ chức các cơ sở quốc phòng an ninh trên địa bàn thành phố; chiến lược xây dựng, củng cố khu vực phòng thủ vững chắc về quốc phòng, an ninh, phòng tuyến hợp tác, cạnh tranh kinh tế quốc tế; giữ vững chủ quyền an ninh biên giới trên đất liền, trên biển đảo trong tình hình mới.

Xác lập và bảo vệ nghiêm ngặt quỹ đất dự trữ cho mục đích quốc phòng, an ninh tại các vị trí chiến lược đã được định hướng.

Khuyến khích khai thác hiệu quả quỹ đất quốc phòng theo hướng “lưỡng dụng”, kết hợp hài hòa giữa nhiệm vụ quân sự, an ninh với phát triển kinh tế - xã hội tại các khu vực phù hợp.

Bảo đảm an ninh trật tự, an ninh tuyến biên giới trên đất liền, biển đảo; đẩy mạnh dân sự hóa các khu biên giới, tạo điều kiện cho người dân phát triển kinh tế, áp sát vùng biên để bảo vệ khu vực biên giới.

g) Định hướng các khu chức năng

- Các khu du lịch quốc gia tiềm năng gồm: (1) Khu du lịch quốc gia Sơn Trà: Phát triển theo hướng du lịch sinh thái bền vững, đa dạng sinh học, bảo vệ hệ sinh thái rừng - biển đặc hữu, đặc biệt là loài voọc chà vá chân nâu; các hoạt động du lịch, xây dựng công trình được kiểm soát nghiêm ngặt về quy mô và loại hình để giữ gìn "rừng trong phố" của thành phố. (2) Khu du lịch quốc gia Cù Lao Chàm là Khu dự trữ sinh quyển thế giới: Phát triển trên nguyên tắc bảo tồn thiên nhiên và phát triển có kiểm soát, bảo đảm cộng đồng địa phương cùng hưởng lợi. (3) Khu du lịch quốc gia Bà Nà: Định hướng trở thành điểm đến du lịch sinh thái - nghỉ dưỡng chất lượng cao; bảo vệ nghiêm ngặt rừng nguyên sinh, động thực vật quý hiếm và hệ sinh thái đặc trưng của vùng Bà Nà - Núi Chúa.

- Khu kinh tế mở Chu Lai: Quy mô diện tích khoảng 27.040 ha. Trên cơ sở các định hướng phát triển đã được xác định trong điều chỉnh Quy hoạch chung xây dựng Khu kinh tế mở Chu Lai đề xuất định hướng bổ sung thêm 03

Khu công nghiệp tại xã Núi Thành, Tam Anh và điều chỉnh diện tích đất rừng phòng hộ phù hợp theo quy hoạch thành phố và quy hoạch sử dụng đất quốc gia.

- Khu công nghệ cao Đà Nẵng: định hướng mở rộng khu công nghệ cao tại phường Liên Chiểu, xã Bà Nà, với tổng quy mô khoảng 1.710 ha; ưu tiên các lĩnh vực có giá trị gia tăng cao và phù hợp với định hướng phát triển của thành phố như vi mạch bán dẫn, trí tuệ nhân tạo, công nghệ số, công nghệ sinh học, vật liệu mới và năng lượng sạch.

- Khu công nghệ thông tin tập trung: Tiếp tục triển khai thực hiện định hướng phát triển khu công nghệ thông tin tập trung Đà Nẵng với quy mô khoảng 341 ha, thực hiện các hoạt động nghiên cứu - phát triển, ứng dụng, chuyển giao về công nghệ thông tin; sản xuất và kinh doanh sản phẩm công nghệ thông tin, cung ứng dịch vụ công nghệ thông tin; cung cấp hạ tầng, dịch vụ và các điều kiện cần thiết để các tổ chức, doanh nghiệp hoạt động trong khu thực hiện các hoạt động công nghệ thông tin.

- Khu kinh tế cửa khẩu Nam Giang: Quy mô diện tích khoảng 31.060 ha. Định hướng là khu kinh tế logistics, cửa ngõ quan trọng của vùng kinh tế trọng điểm miền Trung kết nối với vùng Nam Lào, Đông Bắc Thái Lan thông qua tuyến đường bộ hành lang quốc tế Đông - Tây.

- Khu thương mại tự do: Tập trung đầu tư hạ tầng và đưa vào hoạt động hiệu quả 7 vị trí khu chức năng FTZ Đà Nẵng đã có quyết định thành lập; nghiên cứu các vị trí mới về phía Nam thành phố, trong đó ưu tiên phát triển các khu chức năng sản xuất, logistics với quy mô lớn, tập trung nhằm đảm bảo khai thác hiệu quả chính sách đặc thù, các ưu đãi vượt trội đối với thành phố Đà Nẵng.

- Khu công nghiệp: Không gian công nghiệp được tổ chức lại theo các vùng công nghiệp chính: Cực phía Bắc (Liên Chiểu - Hòa Vang - Đại Lộc - Điện Bàn): Tập trung công nghiệp chế tạo, công nghiệp hỗ trợ, công nghệ cao và dịch vụ hậu cần gắn với cảng Liên Chiểu ...; cực phía Nam (Chu Lai - Núi Thành - Tam Kỳ): Trọng tâm là công nghiệp cơ khí, ô tô, logistics hàng không, công nghiệp năng lượng, khai khoáng và chế biến sâu silica ...; vùng phát triển công nghiệp mới: Hình thành vùng phát triển công nghiệp tập trung phía Tây cao tốc, trên hành lang quốc lộ 14B, 14E, ĐT611 và các tuyến ĐH. Khu vực Khu công nghiệp dịch vụ thủy sản Thọ Quang, Khu công nghiệp Đà Nẵng được chuyển đổi theo lộ trình, phục vụ cho định hướng phát triển đô thị, trung tâm tài chính - thương mại dịch vụ, du lịch và bổ sung hạ tầng, nhất là hạ tầng xã hội phục vụ phát triển đô thị bền vững.

h) Định hướng hệ thống trung tâm

- Trung tâm cấp quốc gia về tài chính, du lịch, tri thức, đào tạo, khoa học công nghệ, văn hóa, thể thao.

- Trung tâm cấp vùng về kinh tế biển, logistics, đổi mới sáng tạo, công nghệ cao và kinh tế số của vùng Duyên hải Nam Trung Bộ và Tây Nguyên.

- Thành phố Đà Nẵng là trung tâm lớn về khởi nghiệp, đổi mới sáng tạo, du lịch, thương mại, tài chính, logistics, công nghiệp công nghệ cao, công nghệ thông tin và công nghiệp hỗ trợ; trung tâm văn hóa - thể thao, giáo dục đào tạo, y tế chất lượng cao, khoa học công nghệ và địa điểm tổ chức các sự kiện tầm khu vực và quốc tế.

- Hệ thống Trung tâm Tài chính quốc tế (IFC), thương mại và dịch vụ chất lượng cao tập trung tại lõi đô thị hiện hữu phía Bắc, các khu đô thị lấn biển; với trục phát triển chủ yếu dọc theo trục Nguyễn Tất Thành, hai bên sông Hàn và dải ven biển phía Đông dọc theo trục Hoàng Sa - Võ Nguyên Giáp - Trường Sa, các trục đường Võ Văn Kiệt, Phạm Văn Đồng, khu vực CBD An Đông.

- Trung tâm cảng biển và logistics gắn với Cảng biển Liên Chiểu đóng vai trò là cửa ngõ quốc tế, kết nối trực tiếp với Khu thương mại tự do, Khu công nghệ cao và hành lang kinh tế Đông - Tây nhằm tạo chuỗi giá trị sản xuất - logistics - xuất khẩu; tập trung tại khu vực Núi Thành với Trung tâm logistics quốc gia Chu Lai, tích hợp đa phương thức Cảng biển - Hàng không - Đường sắt.

- Trung tâm sinh thái và nông nghiệp công nghệ cao, đóng vai trò điều hòa khí hậu, bảo vệ nguồn nước và đa dạng sinh học cho thành phố, tập trung tại vùng trung du và miền núi phía Tây, bao gồm các khu, vùng nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao tập trung; nông nghiệp hữu cơ và kinh tế rừng bền vững; xây dựng “thủ phủ dược liệu” quốc gia với sâm Ngọc Linh.

i) Định hướng các khu vực TOD

- Tổ chức các khu vực TOD tại các đầu mối, nút giao thông trọng điểm và khu vực xung quanh nhà ga đường sắt tốc độ cao, đường sắt đô thị; ưu tiên mô hình đô thị nén, đa chức năng gồm thương mại, dịch vụ, văn phòng, nhà ở và công trình dịch vụ công cộng cấp đô thị. Phạm vi, chỉ tiêu và giải pháp tổ chức không gian TOD được xác định cụ thể tại quy hoạch phân khu, quy hoạch chi tiết.

- Khai thác hiệu quả cấu trúc không gian đa tầng; giảm mật độ xây dựng phù hợp, tăng hệ số sử dụng đất tại các vị trí có năng lực hạ tầng đáp ứng; kết nối đồng bộ không gian trên cao, mặt đất và không gian ngầm, trong đó ưu tiên bãi đỗ xe ngầm và không gian thương mại, dịch vụ gắn với nhà ga.

- Tổ chức mạng lưới hạ tầng xanh - mặt nước, không gian công cộng, quảng trường và tuyến đi bộ kết nối liên hoàn với nhà ga TOD; ưu tiên tiếp cận bằng đi bộ, xe đạp và giao thông công cộng, giảm ùn tắc và tác động môi trường.

k) Định hướng các khu vực lấn biển

- Định hướng hình thành các khu đô thị lấn biển đa chức năng về đô thị, du lịch, dịch vụ, thương mại, có chất lượng cao; tạo điểm nhấn kiến trúc, cảnh

quan hiện đại, hài hòa với điều kiện tự nhiên và sinh thái, không chỉ tạo ra quỹ đất, mà còn tạo ra động lực và cực tăng trưởng mới cho phát triển kinh tế - xã hội của thành phố; bảo đảm bố trí đầy đủ các công trình công cộng (văn hóa, dịch vụ du lịch - giải trí, công viên, quảng trường biển), bảo đảm khả năng tiếp cận biển liên tục của cộng đồng. Tổ chức không gian theo hướng sử dụng đất hiệu quả, dành tỷ lệ thích hợp cho không gian mở bảo đảm thông thoáng giữa mặt biển với khu vực đô thị phía trong.

- Các khu vực nghiên cứu lấn biển gồm khu vực cảng Liên Chiểu khoảng 450 ha, vịnh Đà Nẵng khoảng 1.500 ha, phía Nam Sơn Trà khoảng 100 ha và các khu vực có tiềm năng khác ở phía Nam thành phố.

8. Thiết kế đô thị tổng thể

a) Phân vùng kiến trúc, cảnh quan

- Tổ chức không gian kiến trúc, cảnh quan theo cấu trúc vùng đô thị sinh thái quy mô lớn, kết nối liên tục từ sông Cu Đê đến hạ lưu sông Thu Bồn và dải ven biển từ vịnh Đà Nẵng, Sơn Trà đến Cửa Đại - Hội An.

- Tổ chức các lưu vực sông Hàn, Cỏ Cò, Vĩnh Điện và Vu Gia - Thu Bồn thành mạng lưới không gian công cộng, cảnh quan và giao thông thủy; bảo tồn các vùng sinh thái nông nghiệp, làng nghề truyền thống và vùng ngập nước tự nhiên có chức năng thoát lũ, điều hòa khí hậu.

- Bảo vệ vùng cảnh quan đồi núi, trung du phía Tây từ Trường Sơn, Bà Nà - Núi Chúa đến Nam Giang, Đông Giang; kiểm soát phát triển du lịch sinh thái núi, duy trì hành lang đa dạng sinh học. Khu vực đô thị cổ Hội An và vùng phụ cận được quản lý theo yêu cầu bảo tồn di sản, kiểm soát hình thái, vật liệu, tầng cao và chuyển tiếp hài hòa với khu vực phát triển mới.

b) Kiểm soát phát triển không gian

- Chiều cao xây dựng: Kiểm soát chặt chẽ tầng cao phù hợp tại các khu vực ven biển, ven sông, các trung tâm lịch sử, hạn chế tầng cao tại khu vực bảo tồn, di sản, các vị trí có điểm nhìn cảnh quan quan trọng, khu vực biển đảo. Nghiên cứu một số công trình cao tầng tạo điểm nhấn trên cơ sở phù hợp với thiết kế đô thị riêng, điều kiện hiện trạng, khả năng đáp ứng hạ tầng, yêu cầu bảo vệ không gian di tích văn hóa, lịch sử. Khuyến khích phát triển công trình cao tầng tập trung tại khu vực phát triển đô thị mở rộng. Kiểm soát vùng tĩnh không sân bay trong phạm vi phễu bay của Sân bay quốc tế Đà Nẵng, sân bay quốc tế Chu Lai bảo đảm tuân thủ quy định chuyên ngành.

- Mật độ xây dựng:

Khu lõi đô thị cũ: Khuyến khích duy trì hoặc giảm dần mật độ xây dựng qua các dự án tái thiết đô thị, bố trí quỹ đất dành cho giao thông tĩnh, công viên cây xanh và tiện ích công cộng.

Đối với khu vực bảo tồn, khu vực đồi núi, đảo và bán đảo: Kiểm soát mật độ xây dựng phù hợp; ưu tiên bảo tồn địa hình tự nhiên, hệ sinh thái rừng và không gian xanh, đồng thời gìn giữ cảnh quan sườn đồi, sườn núi và cảnh quan đặc trưng.

Khu vực du lịch sinh thái ven biển và ven sông: Mật độ xây dựng trung bình, tối đa hóa diện tích cây xanh mặt nước nhằm tăng khả năng tiếp cận biển, sông và thích ứng với biến đổi khí hậu.

Các khu phát triển đô thị mới, khu hỗn hợp thương mại dịch vụ: Tuân thủ Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về Quy hoạch xây dựng. Khuyến khích phát triển đô thị tập trung với hệ số sử dụng đất cao, mật độ phù hợp, hạn chế tối đa việc phân lô bán nền tại khu vực đô thị, đặc biệt tại các đô thị lớn, quan tâm phát triển chung cư cao tầng phù hợp nhu cầu thực tiễn, dành không gian trống cho phát triển hạ tầng, công viên, dịch vụ công cộng và cây xanh mặt nước đô thị.

- Các quy định chi tiết về tầng cao, mật độ xây dựng, khoảng lùi đối với các công trình ven biển, ven vịnh, lấn biển sẽ được xác định, quy định cụ thể trong Quy chế quản lý kiến trúc và các thiết kế đô thị riêng, quy hoạch phân khu, bảo đảm hài hòa cảnh quan và tuân thủ các quy định bảo tồn di sản.

c) Không gian cây xanh mặt nước

- Hành lang xanh chính: khu vực phía Bắc thành phố, hành lang xanh chính nằm dọc các con sông chính (sông Hàn, sông Cu Đê, sông Túy Loan, sông Cẩm Lệ và Cầu Đỏ, sông Cái, sông Cổ Cò) và dọc đường bờ biển theo Bờ Đông và vịnh Đà Nẵng. Khu vực phía Nam thành phố, hành lang xanh chính nằm ở lưu vực sông Vu Gia - Thu Bồn (Trục động lực sinh thái Đông - Tây), ven sông Cổ Cò - Vĩnh Điện, hành lang xanh Trường Giang và dải ven biển phía Đông (Trục sinh thái thích ứng biến đổi khí hậu).

- Hành lang xanh thứ cấp: chủ yếu chạy dọc các hành lang giao thông để kết nối các nút xanh đô thị như công viên, các ngọn đồi và sông, hồ, biển; chạy dọc theo hướng Đông Tây nối khu vực bờ biển với các ngọn núi. Phía Nam thành phố, các hành lang xanh thứ cấp đóng vai trò là mạng lưới sinh thái quan trọng. Hệ thống này kết nối các hành lang xanh chính (như trục lưu vực sông Thu Bồn - Vu Gia) với các phân khu đô thị, khu công nghiệp và vùng nông thôn nội địa, giúp phân phối không gian điều hòa khí hậu, kiểm soát ngập lụt cục bộ và đa dạng hóa cảnh quan.

- Hành lang xanh khu vực: chủ yếu nằm dọc theo các hành lang an toàn của các tuyến đường và đường sắt đô thị. Các khu vực an toàn này có thể được tận dụng để trở thành một phần của mạng lưới xanh của thành phố.

- Tổ chức không gian công viên cây xanh, mặt nước:

Quy mô đất cây xanh sử dụng công cộng cấp đô thị khoảng 5.870 - 5.970 ha; ưu tiên công viên đô thị, hành lang xanh ven sông và các không gian công cộng bảo đảm khả năng tiếp cận của người dân. Đất cây xanh sử dụng hạn chế trong

các công viên chuyên đề khoảng 1.830 - 1.930 ha; bố trí cây xanh chuyên dụng tại các khu vực cần cách ly, bảo vệ hạ tầng và công trình đầu mối.

Phát triển hệ thống công viên, cây xanh và mặt nước đồng bộ, liên hoàn; bảo vệ, duy trì và phát huy hệ thống sông, hồ, kênh, rạch, ao, đầm và các vùng cây xanh tự nhiên; tăng diện tích cây xanh công cộng, hành lang xanh và không gian mở gắn với khu dân cư, trung tâm công cộng, hạ tầng xã hội và các trục cảnh quan.

Ưu tiên công viên đa chức năng kết hợp văn hóa, thể thao, giải trí, giáo dục môi trường và du lịch sinh thái; áp dụng hạ tầng xanh, hạ tầng sinh thái và công nghệ thân thiện với môi trường trong thiết kế, quản lý, vận hành.

Bảo vệ nguồn nước, cải thiện chất lượng môi trường mặt nước, nâng cao khả năng điều hòa, thoát nước và giảm ngập úng; kiểm soát các hoạt động khai thác, cải tạo, xây dựng liên quan đến mặt nước theo điều kiện tự nhiên, yêu cầu bảo vệ môi trường, chức năng thoát nước và giá trị cảnh quan.

d) Khu vực cửa ngõ

- Cửa ngõ phía Bắc: Gắn với đèo Hải Vân, cảng Liên Chiểu, cảng hàng không, ga đường sắt và hành lang giao thông Bắc - Nam. Định hướng phát triển không gian cửa ngõ hiện đại kết hợp cảnh quan núi - biển, hình thành trung tâm logistics, công nghiệp công nghệ cao và dịch vụ cảng biển; tổ chức các công trình điểm nhấn kiến trúc, quảng trường và không gian xanh tạo hình ảnh nhận diện cho đô thị phía Bắc thành phố.

- Cửa ngõ phía Nam: Gắn với cảng biển, cảng hàng không khu vực Chu Lai.

- Cửa ngõ phía Tây: Gắn với cửa khẩu quốc tế Nam Giang.

- Cửa ngõ phía Đông và ven biển: Bao gồm tuyến ven biển từ Sơn Trà - Ngũ Hành Sơn - Điện Bàn - Hội An - Thăng Bình - Núi Thành.

đ) Trục không gian chính

- Trục không gian ven biển phía Đông: Là trục cảnh quan động lực quan trọng kết nối từ Liên Chiểu - Sơn Trà - Mỹ Khê - Ngũ Hành Sơn - Điện Bàn - Hội An - Tam Kỳ - Chu Lai. Tổ chức liên tục hệ thống công viên, quảng trường, tuyến đi bộ và cây xanh ven biển nhằm bảo đảm khả năng tiếp cận cộng đồng ra biển và tạo dựng hình ảnh đô thị biển hiện đại.

- Trục không gian sông Hàn - sông Cổ Cò - Thu Bồn - Trường Giang: Là trục cảnh quan sinh thái và văn hóa đặc trưng của vùng đô thị Đà Nẵng mở rộng. Định hướng phát triển không gian ven sông kết hợp công viên, quảng trường, bến thuyền, tuyến đi bộ; đồng thời bảo tồn hệ sinh thái mặt nước, cảnh quan làng xóm truyền thống và các giá trị văn hóa ven sông.

- Trục phát triển Bắc - Nam: Gắn với quốc lộ 1, cao tốc Bắc - Nam, cao tốc nội thị Đà Nẵng - Chu Lai, đường Hồ Chí Minh, Đông Trường Sơn, tuyến đường sắt quốc gia, tuyến đường bộ ven biển.

- Trục không gian phía Tây và hành lang kinh tế Đông - Tây: Gắn với tuyến cao tốc CT21, CT22, quốc lộ 14B, 14D, 14E, 14G (nay là ĐT 604), 40B.

- Trục văn hóa - du lịch vùng: Kết nối trung tâm Đà Nẵng với Hội An, Mỹ Sơn, Bà Nà, Đông Giang, Tây Giang và các khu du lịch sinh thái phía Tây. Trục không gian xanh và hành lang sinh thái: Tổ chức dọc hệ thống sông Vu Gia - Thu Bồn, sông Cu Đê, sông Yên, sông Trường Giang, ... và các vành đai rừng phía Tây. Định hướng hình thành mạng lưới không gian xanh liên tục, kết nối công viên đô thị, mặt nước, rừng tự nhiên và các khu vực sinh thái nhằm nâng cao khả năng thích ứng biến đổi khí hậu và cải thiện chất lượng môi trường sống.

e) Điểm nhân thành phố

- Khu vực lõi phía Bắc trung tâm thành phố và cụm khu đô thị lấn biển: Phát triển điểm nhân kiến trúc hiện đại, gắn với trung tâm tài chính, đổi mới sáng tạo.

- Khu vực Núi Thành - Tam Kỳ - Chu Lai: Phát triển các điểm nhân kiến trúc gắn với Khu đô thị nghiên cứu - đào tạo, sân bay, cảng biển.

- Khu vực Hội An - Cù Lao Chàm: Phát triển điểm nhân kiến trúc gắn với di sản, sinh thái, văn hóa, hài hòa với cảnh quan tự nhiên và giá trị di sản thế giới.

9. Sử dụng đất quy hoạch

Sử dụng đất quy hoạch toàn đô thị đảm bảo nguyên tắc sử dụng tiết kiệm, hiệu quả, tuân thủ các quy hoạch ngành, quy định về sử dụng đất có liên quan.

Diện tích đất tự nhiên thành phố khoảng 1.187.034 ha và không gian mở rộng thông qua hoạt động lấn biển khoảng 2.050 ha.

a) Đến năm 2040

- Đất xây dựng khoảng 167.760 ha - 173.840 ha. Bao gồm:

+ Đất dân dụng: khoảng 54.830 ha - 57.490 ha. Trong đó: Đất đơn vị ở: khoảng 37.970 ha - 38.470 ha; đất hỗn hợp (có nhà ở): khoảng 3.050 ha - 3.550 ha; đất dịch vụ - công cộng cấp đô thị: khoảng 2.200 ha - 2.700 ha; đất cơ quan, trụ sở cấp đô thị: khoảng 110 ha - 120 ha; đất cây xanh sử dụng công cộng cấp đô thị: khoảng 3.900 ha - 4.400 ha; đất giao thông đô thị: khoảng 5.500 ha - 5.650 ha; đất hạ tầng kỹ thuật khác cấp đô thị: khoảng 2.100 ha - 2.600 ha.

+ Đất ngoài dân dụng: khoảng 112.930 ha - 116.350 ha. Trong đó: Đất hỗn hợp (không có nhà ở): khoảng 8.000 ha - 8.500 ha; đất dịch vụ - công cộng

ngoài dân dụng: khoảng 900 ha - 1.100 ha; đất sản xuất công nghiệp: khoảng 20.000 ha - 20.500 ha; khu công nghệ cao, khu công nghệ số tập trung: khoảng 2.000 ha - 2.100 ha; đất trung tâm đào tạo, nghiên cứu: khoảng 700 ha - 800 ha; đất cơ quan, trụ sở ngoài đô thị: khoảng 10 ha - 20 ha; đất trung tâm y tế: khoảng 130 ha - 150 ha; đất trung tâm văn hoá, thể dục thể thao: khoảng 1.100 ha - 1.200 ha; đất dịch vụ, du lịch: khoảng 7.000 ha - 7.500 ha; đất cây xanh sử dụng hạn chế: khoảng 1.600 ha - 1.700 ha; đất cây xanh chuyên dụng: khoảng 5.000 ha - 5.100 ha; đất di tích, tôn giáo: khoảng 780 ha - 800 ha; điểm dân cư nông thôn: khoảng 24.680 ha - 25.180 ha; đất an ninh: khoảng 3.300 ha - 3.400 ha; đất quốc phòng: khoảng 7.780 ha - 7.800 ha; đất giao thông đối ngoại: khoảng 27.000 ha - 27.500 ha; đất hạ tầng kỹ thuật ngoài đô thị: khoảng 2.950 ha - 3.000 ha.

- Khu vực nông nghiệp và chức năng khác khoảng 1.021.324 ha - 1.015.244 ha.

b) Đến năm 2050

- Đất xây dựng khoảng 192.250 ha - 196.230 ha. Bao gồm:

+ Đất dân dụng: khoảng 64.160 ha - 64.990 ha. Trong đó: Đất đơn vị ở, khoảng 38.870 ha - 39.070 ha; đất hỗn hợp (có nhà ở): khoảng 6.520 ha - 6.620 ha; đất dịch vụ - công cộng cấp đô thị: khoảng 2.900 ha - 3.000 ha; đất cơ quan, trụ sở cấp đô thị: khoảng 120 ha - 150 ha; đất cây xanh sử dụng công cộng cấp đô thị: khoảng 5.870 ha - 5.970 ha; đất giao thông đô thị: khoảng 7.300 ha - 7.500 ha; đất hạ tầng kỹ thuật khác cấp đô thị: khoảng 2.580 ha - 2.680 ha.

+ Đất ngoài dân dụng: khoảng 128.090 ha - 131.240 ha. Trong đó: Đất hỗn hợp (không có nhà ở): khoảng 11.460 ha - 11.960 ha; đất dịch vụ - công cộng ngoài dân dụng: khoảng 1.120 ha - 1.320 ha; đất sản xuất công nghiệp: khoảng 21.420 ha - 21.920 ha; khu công nghệ cao, khu công nghệ số tập trung: khoảng 2.370 ha - 2.470 ha; đất trung tâm đào tạo, nghiên cứu: khoảng 840 ha - 940 ha; đất cơ quan, trụ sở ngoài đô thị: khoảng 10 ha - 20 ha; đất trung tâm y tế: khoảng 130 ha - 230 ha; đất trung tâm văn hoá, thể dục thể thao: khoảng 1.480 ha - 1.580 ha; đất dịch vụ, du lịch: khoảng 9.700 ha - 10.200 ha; đất cây xanh sử dụng hạn chế: khoảng 1.830 ha - 1.930 ha; đất cây xanh chuyên dụng: khoảng 5.950 ha - 6.050 ha; đất di tích, tôn giáo: khoảng 780 ha - 800 ha; điểm dân cư nông thôn: khoảng 26.380 ha - 26.880 ha; đất an ninh: khoảng 3.300 ha - 3.400 ha; đất quốc phòng: khoảng 7.780 ha - 7.800 ha; đất giao thông đối ngoại: khoảng 30.510 ha - 30.610 ha; đất hạ tầng kỹ thuật ngoài đô thị: khoảng 3.030 ha - 3.130 ha.

- Khu vực nông nghiệp và chức năng khác khoảng 996.834 ha - 992.854 ha.

10. Định hướng quy hoạch hệ thống hạ tầng kinh tế - xã hội

a) Hành chính, chính trị

Tổ chức hệ thống trung tâm hành chính, chính trị đáp ứng yêu cầu hoạt động của các cơ quan Đảng, chính quyền và cơ quan có liên quan, với quy mô đất khoảng 130 ha - 170 ha.

Giai đoạn hiện nay, tiếp tục định vị khu trung tâm hành chính, chính trị tại phường Hải Châu và bố trí bổ sung một số chức năng hành chính tại các khu vực phù hợp. Về lâu dài, nghiên cứu xác định vị trí trung tâm hành chính mới trên cơ sở khả năng kết nối giao thông, tiếp cận của người dân và yêu cầu tổ chức chính quyền đô thị hai cấp, chính quyền số; tích hợp quảng trường công cộng, trung tâm điều hành thông minh, cây xanh, không gian mở và các tiện ích thiết yếu.

b) Du lịch

Phát triển du lịch trên toàn thành phố theo các loại hình du lịch biển, đường thủy nội địa, sinh thái - cộng đồng, trải nghiệm, nghỉ dưỡng, văn hóa - lịch sử - tâm linh, vui chơi giải trí, mua sắm, thể thao và chăm sóc sức khỏe; quy mô đất khoảng 9.700 ha - 10.200 ha.

Tổ chức ba không gian du lịch chính: các khu du lịch quốc gia tiềm năng Sơn Trà, Cù Lao Chàm, Bà Nà theo hướng sinh thái, kiểm soát phát triển gắn với bảo tồn; không gian du lịch văn hóa - di sản Hội An - Mỹ Sơn và hệ thống di tích Chăm, di tích lịch sử cách mạng; không gian du lịch biển và vịnh với chuỗi đô thị du lịch, nghỉ dưỡng và kinh tế đêm dọc ven biển phía Đông.

c) Thương mại, tài chính

Hình thành các trung tâm thương mại tầm cỡ quốc gia, quốc tế; trung tâm hội chợ triển lãm quốc tế; tuyến phố thương mại, tài chính; Khu Thương mại tự do Đà Nẵng gắn với các đầu mối giao thông lớn; phát triển chợ đầu mối nông sản miền Trung - Tây Nguyên và trung tâm logistics gắn với chợ đầu mối tại xã Thăng Bình khoảng 130 ha.

Phát triển Trung tâm tài chính quốc tế Việt Nam tại Đà Nẵng gắn với hệ sinh thái đổi mới sáng tạo và công nghệ số, quy mô khoảng 300 ha - 320 ha.

d) Công nghệ cao

Quy mô sử dụng đất công nghệ cao và công nghệ số tập trung khoảng 2.370 ha - 2.470 ha. Tập trung phát triển công nghệ cao gồm: (1) Khu công nghệ cao Đà Nẵng và Khu công nghệ cao mở rộng; (2) Khu công nghệ thông tin tập trung số 1, số 2, Khu Công viên phần mềm số 1, số 2, số 3; (3) Ngoài ra, hình thành Cụm Đổi mới sáng tạo tại phía Nam thành phố gắn liền với Khu đô thị nghiên cứu - đào tạo tại đô thị Tam Kỳ.

đ) Công nghiệp và kho tàng (logistics)

Quy mô sử dụng đất sản xuất công nghiệp và kho tàng diện tích đất khoảng 21.420 ha - 21.920 ha.

Phát triển hệ thống trung tâm logistics tích hợp đa phương thức theo mô hình mạng lưới bao gồm: Trung tâm logistics Hòa Nhơn, Trung tâm logistics Ga Kim Liên, Trung tâm logistics cảng hàng không quốc tế Đà Nẵng, Trung tâm logistics xã Hòa Vang, Trung tâm logistics hỗ trợ chợ đầu mối và ngành bán buôn gắn với chợ đầu mối Hòa Phước, Trung tâm logistics cảng hàng không quốc tế Chu Lai, Trung tâm logistics quốc gia Chu Lai, Trung tâm logistics tại Tam Kỳ - Quảng Phú, Trung tâm logistics Chaval - Nam Giang, các trung tâm logistics và kho bãi gắn với cửa khẩu (Nam Giang, Tây Giang, Bờ Y, ...), các trung tâm logistics nhỏ lẻ và kho bãi khác.

Phát triển công nghiệp, công nghiệp quốc phòng kết hợp sử dụng lưỡng dụng và logistics theo mô hình xanh, thông minh, tiết kiệm năng lượng, giảm phát thải và bảo vệ môi trường; bảo đảm khoảng cách an toàn với khu dân cư, sử dụng đất hiệu quả.

Định hướng phát triển các cụm công nghiệp nhằm thúc đẩy chuyển dịch cơ cấu kinh tế khu vực nông thôn, đồng thời di dời các cơ sở sản xuất gây ô nhiễm ra khỏi khu dân cư, bảo đảm yêu cầu về bảo vệ môi trường và sử dụng đất hiệu quả.

e) Nông nghiệp, lâm nghiệp, thủy sản

Quy mô diện tích đất nông nghiệp khoảng 167.572 ha - 169.772 ha, phát triển các vùng sản xuất nông nghiệp tập trung, nông nghiệp công nghệ cao tại khu vực các xã khu vực phía Tây.

Quy mô diện tích đất lâm nghiệp khoảng 763.742 ha - 764.742 ha, tập trung chủ yếu ở khu vực đồi núi phía Tây và bán đảo Sơn Trà, trong đó, đất rừng đặc dụng khoảng 178.138 ha, đất rừng phòng hộ khoảng 311.095 ha, đất rừng sản xuất khoảng 274.509 ha - 275.509 ha. Định hướng phát triển lâm nghiệp tập trung vào việc bảo tồn khu vực rừng đặc dụng, rừng phòng hộ, ứng dụng công nghệ trong trồng rừng sản xuất, tiếp tục phủ xanh các đồi núi, khu vực khai thác khoáng sản nhằm nâng cao độ che phủ rừng, đa dạng sinh học, khôi phục môi trường, cảnh quan, bảo tồn và bảo vệ sinh thái, ứng phó biến đổi khí hậu.

Thủy sản: Môi trường biển, sông, hồ sẽ được duy trì để đảm bảo tái tạo và phát triển các nguồn lợi thủy sản. Chuyển đổi chức năng cảng cá Thọ Quang, phục vụ cho định hướng phát triển đô thị, du lịch và hoàn thiện hạ tầng kỹ thuật, hạ tầng xã hội khu vực. Đầu tư trung tâm nghề cá lớn tại khu vực phía Nam gắn với ngư trường Hoàng Sa, phát triển dịch vụ hậu cần nghề cá, khai thác hải sản xa bờ gắn với bảo vệ chủ quyền biển đảo.

g) Y tế

Quy mô diện tích khoảng 130 ha - 230 ha (cấp quốc gia, cấp vùng). Đầu tư xây mới, nâng cấp, cải tạo, mở rộng các bệnh viện đa khoa, chuyên khoa cấp thành phố và trung tâm các đô thị, vùng để phục vụ nhu cầu của người dân và

du khách. Các cơ sở y tế khác và các cơ sở bảo trợ xã hội được quy hoạch và phân bố bảo đảm đúng quy chuẩn và đáp ứng nhu cầu ngày càng cao của xã hội.

h) Giáo dục - Đào tạo

Hình thành Khu đô thị nghiên cứu - đào tạo ở phía Nam Thành phố, cùng với Khu Đại học Đà Nẵng ở phía Bắc tạo thành các trung tâm nghiên cứu, giáo dục, đào tạo, đổi mới sáng tạo quy mô lớn của thành phố. Quy mô diện tích đất trung tâm nghiên cứu đào tạo khoảng 840 ha - 940 ha.

Phân bố các trường trung học phổ thông phù hợp về quy mô dân số của từng đô thị, khu vực. Quy mô diện tích đất trường trung học phổ thông khoảng 350 - 400 ha. Các cơ sở giáo dục khác được quy hoạch và phân bố bảo đảm đúng quy chuẩn và đáp ứng nhu cầu ngày càng cao của xã hội. Đầu tư mở rộng diện tích các trường theo hướng đạt chuẩn quốc gia.

i) Văn hóa

Phát triển ngành công nghiệp văn hóa gắn với việc thực hiện Nghị quyết số 80-NQ/TW ngày 07 tháng 01 năm 2026 của Bộ Chính trị về phát triển văn hóa Việt Nam. Đầu tư các công trình văn hóa và các dự án lớn về công nghiệp văn hóa tại các khu vực: ven Sông Hàn, đô thị Điện Bàn, Hội An, Nam Hội An, khu vực ven biển, khu tái thiết đô thị; đầu tư xây dựng Trung tâm sáng tạo văn hóa - nghệ thuật; Trung tâm nghệ thuật biểu diễn cấp quốc gia; trường quay Đà Nẵng và trung tâm hậu kỳ điện ảnh; Nhà hát lớn thành phố; Trung tâm Văn hóa điện ảnh và hội nghị; thư viện khoa học tổng hợp cấp vùng; không gian sáng tạo công cộng, “bảo tàng sống” là các khu phố lịch sử - văn hóa - kiến trúc tại các lõi đô thị cũ, khu dịch vụ văn hóa đêm ...

Hoàn chỉnh, đồng bộ cơ sở hạ tầng văn hóa, ưu tiên đầu tư hạ tầng văn hóa tại các xã miền núi; bố trí các cơ sở hạ tầng văn hóa trọng điểm dọc các hành lang phát triển, các nút giao thông lớn để thuận lợi tiếp cận văn hóa cho cộng đồng và trở thành động lực phát triển kinh tế xã hội của xã, phường.

Bảo tồn các công trình tôn giáo, di tích lịch sử, bảo tàng quan trọng gồm: Bảo tàng điêu khắc Chăm, bảo tàng Đà Nẵng, ...; các địa điểm tôn giáo, tâm linh, di tích lịch sử. Gìn giữ, phát huy không gian văn hóa truyền thống, các danh hiệu di sản được UNESCO công nhận trên địa bàn thành phố như Phố cổ Hội An, Mỹ Sơn; các di sản văn hóa vật thể, tư liệu, phi vật thể; hướng đến xây dựng Đà Nẵng trở thành thành phố sáng tạo trong mạng lưới UNESCO.

k) Thể dục thể thao

Quy mô diện tích đất khoảng 1.480 ha - 1.580 ha. Quy hoạch phát triển hạ tầng chuyên biệt để đưa Đà Nẵng thành trung tâm thể thao biển tầm cỡ quốc tế, có khả năng đăng cai tổ chức thường niên các giải đấu khu vực và quốc tế đối với các môn thể thao biển. Tiếp tục phát triển tổ hợp thể thao trong nhà tại Cung

thể thao Tiên Sơn, Khu liên hợp thể thao Hòa Xuân, bổ sung tổ hợp thể thao, sự kiện trong nhà quy mô quốc tế sức chứa 50.000 - 60.000 chỗ ngồi, khu liên hợp thể thao dưới nước và đua thuyền, trung tâm thể thao biển phía Nam, trung tâm y học, phục hồi thể thao và các hạng mục phụ trợ. Sau năm 2030, đầu tư tổ hợp thể thao đạt chuẩn Olympic, có khả năng đăng cai các sự kiện thể thao quốc tế quy mô lớn như khu vực Nam Hội An theo mô hình đa chức năng - mở - linh hoạt.

Phát triển các cơ sở thể thao cấp quốc gia gồm Trung tâm Huấn luyện vận động viên trẻ quốc gia, Trường Đại học Thể dục thể thao Đà Nẵng để phục vụ việc huấn luyện vận động viên quốc gia và đào tạo nhân lực trong ngành thể dục thể thao. Đầu tư các trung tâm thể thao cấp phường, xã, ... theo quy định tại quy chuẩn.

11. Định hướng phát triển không gian ngầm

Phát triển công trình ngầm đô thị theo hướng đồng bộ, đa chức năng, sử dụng đất tiết kiệm, hiệu quả, có dự trữ không gian cho nhu cầu phát triển dài hạn; bảo đảm an toàn, quốc phòng, an ninh và không làm ảnh hưởng đến các công trình lân cận.

Phát triển không gian ngầm tập trung gắn với các đô thị: Đà Nẵng, Điện Bàn, Tam Kỳ, Núi Thành, và các đô thị mới, các đô thị lấn biển, các khu vực trung tâm thương mại, dịch vụ, ga đường sắt đô thị, nút giao thông trọng điểm. Xây dựng cơ chế quản lý, khai thác không gian ngầm theo phân tầng phù hợp với đặc điểm địa chất của từng khu vực; kết nối đồng bộ với không gian trên mặt đất và hệ thống hạ tầng kỹ thuật; khuyến khích bố trí bãi đỗ xe, thương mại và dịch vụ ngầm tại vị trí phù hợp.

Tổ chức không gian ngầm theo các tầng sâu sử dụng phù hợp với tính chất công trình, điều kiện địa chất, thủy văn, nước ngầm, môi trường biển, khu vực ven sông, ven biển và yêu cầu thích ứng với biến đổi khí hậu; bảo vệ nguồn nước ngầm, cây xanh, di tích lịch sử - văn hóa và bảo đảm an toàn công trình.

Phát triển không gian ngầm gắn với mô hình TOD và mạng lưới giao thông công cộng khối lượng lớn.

Phát triển công trình xây dựng ngầm đô thị theo hướng bền vững; khai thác tối đa không gian ngầm cho hoạt động của con người, tiết kiệm các tầng không gian chưa sử dụng cho tương lai; bảo đảm sử dụng đất hợp lý; bảo đảm sử dụng tiết kiệm, hiệu quả việc khai thác không gian ngầm. Tránh lãng phí nguồn lực ngân sách nhà nước khi đầu tư, khai thác không gian ngầm.

12. Định hướng hệ thống hạ tầng kỹ thuật

a) Định hướng hạ tầng liên kết vùng và phát triển hạ tầng thông minh, xanh, thích ứng biến đổi khí hậu:

- Tăng cường kết nối liên vùng thông qua mạng lưới hạ tầng kỹ thuật khung gắn với hành lang kinh tế trong và ngoài nước. Thúc đẩy tối đa kết nối nội vùng đa phương thức thông qua hạ tầng hiện đại trọng điểm như đường sắt, đường thủy, đường không, đường bộ, hạ tầng kinh tế không gian tầm thấp, hạ tầng năng lượng xanh.

- Phát triển hạ tầng thông minh đồng bộ, hiện đại trên nền tảng số hóa và tích hợp dữ liệu không gian đô thị (GIS). Triển khai đồng bộ hệ thống giao thông thông minh bao gồm điều khiển tín hiệu thích ứng, phân tích lưu lượng, thu phí không dừng, bến bãi đỗ xe thông minh, hạ tầng cho phương tiện xanh và phương tiện tự hành. Phát triển hệ thống lưới điện thông minh, trạm sạc xe điện, hệ thống chiếu sáng đô thị thông minh tiết kiệm năng lượng có khả năng giám sát tập trung. Từng bước số hóa và tự động hóa công tác quản lý mạng lưới cấp thoát nước, quan trắc môi trường, cảnh báo thiên tai, ngập úng và triều cường theo thời gian thực.

- Phát triển hạ tầng theo hướng chủ động thích ứng với biến đổi khí hậu, tăng khả năng chống chịu trước thiên tai, nâng cao khả năng duy trì và phục hồi hoạt động của hệ thống đô thị; tăng khả năng thấm, trữ, điều tiết, làm chậm và tái sử dụng nước mưa; giảm dòng chảy bề mặt và áp lực đối với hệ thống thoát nước đô thị. Lồng ghép các giải pháp mái xanh, mặt phủ thấm, vườn mưa, rãnh sinh học, hồ điều hòa, công viên ngập nước, bể chứa nước mưa, đất ngập nước nhân tạo. Đối với các khu đô thị mới, khu du lịch, khu công nghiệp, khu chức năng ven biển, nghiên cứu bố trí quỹ đất hợp lý cho không gian thấm, trữ và điều tiết nước mưa; khuyến khích thu gom, xử lý và tái sử dụng nước mưa tại công trình dịch vụ - công cộng.

b) Giao thông

- Hàng không

- + Phát triển Cảng hàng không quốc tế Đà Nẵng và Chu Lai thành đầu mối giao thông hàng không quan trọng của quốc gia, hình thành cửa ngõ kết nối thành phố Đà Nẵng với khu vực và quốc tế.

- + Sử dụng lưỡng dụng sân bay Nước Mặn, An Hòa, quy hoạch các vị trí bãi cất hạ cánh trên mặt nước để khai thác hoạt động bay của thủy phi cơ phục vụ các hoạt động vận chuyển hành khách, hoạt động bay tầm thấp du lịch, hoạt động bay phục vụ cứu hộ, cứu nạn.

- + Nghiên cứu thử nghiệm các hoạt động taxi bay thương mại sử dụng máy bay điện cất hạ cánh thẳng đứng (eVTOL), hoạt động giao hàng bằng tàu bay không người lái; quản lý các hoạt động sử dụng tàu bay không người lái trong hoạt động nông, lâm, ngư nghiệp, cứu hộ, cứu nạn, khắc phục hậu quả thiên tai.

- Đường sắt

+ Tuyến đường sắt hiện trạng Hà Nội - Thành phố Hồ Chí Minh: Di dời ga Đà Nẵng ra khỏi trung tâm thành phố, cải tạo tuyến đường sắt hiện có đi song song về phía Đông đường bộ cao tốc, cùng hành lang với đường sắt tốc độ cao; xây dựng nhà ga (giao nhận hàng hóa) tại khu vực Kim Liên để kết nối với cảng Liên Chiểu lộ trình trước năm 2030.

+ Đường sắt tốc độ cao Bắc - Nam (đến 2030): Xây dựng mới đường sắt tốc độ cao trên trục Bắc Nam, tuyến cơ bản đi trong hành lang, đường sắt Bắc Nam hiện hữu và đường bộ cao tốc Bắc Nam phía Đông (CT.01). Xây dựng 03 ga đường sắt tốc độ cao trên địa bàn thành phố Đà Nẵng. Đường sắt tốc độ cao tuân thủ theo hướng tuyến trong giai đoạn triển khai dự án đầu tư xây dựng. Trong quá trình lập Báo cáo nghiên cứu khả thi dự án đường sắt tốc độ cao, khi thực hiện công tác khảo sát, nghiên cứu điều kiện địa hình, địa chất, kết nối giao thông, Bộ Xây dựng phối hợp với Ủy ban nhân dân thành phố Đà Nẵng lựa chọn phương án vị trí ga đường sắt tối ưu nhất để đáp ứng kết nối giao thông khu vực tới tuyến đường sắt, khai thác đồng bộ, phát huy tối đa hiệu quả ga đường sắt tốc độ cao với phát triển kinh tế - xã hội địa phương.

+ Đường sắt Đà Nẵng - Quảng Ngãi - Gia Lai - Đắk Lắk - Lâm Đồng - Đồng Nai (sau 2030): tuân thủ quy hoạch ngành trong giai đoạn triển khai dự án đầu tư xây dựng.

- Cảng biển

+ Khu bến Tiên Sa: phục vụ liên vùng và tiếp chuyển hàng cho Cộng hòa Dân chủ Nhân dân Lào, Đông Bắc Vương quốc Thái Lan; có các bến container, tổng hợp, hàng rời, bến cảng khách quốc tế. Định hướng dần chuyển đổi công năng thành bến cảng du lịch đồng bộ với tiến trình xây dựng và đưa vào khai thác các bến cảng tại Liên Chiểu.

+ Khu bến Liên Chiểu: phục vụ phát triển kinh tế - xã hội liên vùng và cả nước, tiềm năng cảng cửa ngõ quốc tế tại khu vực duyên hải miền Trung và tiếp nhận hàng hóa; có các bến container, tổng hợp, hàng rời, bến cảng hàng lỏng/khí và các bến công vụ, sà lan.

+ Khu bến Thọ Quang: phục vụ phát triển kinh tế - xã hội thành phố Đà Nẵng và vùng phụ cận; có bến tổng hợp, container, hàng lỏng/khí, bến công vụ và các bến phục vụ quốc phòng - an ninh.

+ Khu bến Mỹ Khê: bến phao hàng lỏng, bến du thuyền.

+ Khu bến cảng Tam Hiệp, Tam Hòa: phục vụ trực tiếp cho khu kinh tế mở Chu Lai và vùng phụ cận; có các bến container, tổng hợp, hàng rời, hàng lỏng/khí, bến cảng khách và các bến cảng phục vụ ngành công nghiệp khác.

+ Khu bến cảng Kỳ Hà, Tam Giang: phục vụ trực tiếp cho Khu kinh tế mở Chu Lai, từng bước chuyển đổi công năng thành khu bến phục vụ chuỗi dự án

khí - điện Cá Voi Xanh; có bến tổng hợp, hàng lỏng/khí, bến khách (phục vụ tuyến từ đất liền ra đảo).

+ Bến cảng đặc khu Hoàng Sa: phục vụ phát triển kinh tế - xã hội và quốc phòng - an ninh.

+ Quy hoạch các bến phao, khu chuyển tải, khu neo chờ, tránh, trú bão phù hợp với điều kiện thực tế.

- Luồng hàng hải: Luồng Tiên Sa: cho tàu trọng tải đến 50.000 tấn và tàu khách đến 225.000 GT; luồng Liên Chiểu cho tàu trọng tải đến 100.000 tấn hoặc lớn hơn khi đủ điều kiện; luồng Kỳ Hà cho tàu trọng tải đến 20.000 tấn; luồng Cửa Lở cho tàu trọng tải đến 50.000 tấn hoặc lớn hơn khi đủ điều kiện.

- Đường bộ

+ Cao Tốc: Cao tốc Bắc - Nam phía Đông (CT.01) (quy mô 6 làn xe, bố trí đường gom 2 bên); cao tốc Đà Nẵng - Bồ Y (Quảng Ngãi) (CT.21) (quy mô 4 làn xe); cao tốc Đà Nẵng - Quảng Ngãi (CT.22) (quy mô 4 làn xe).

+ Quốc lộ: Các tuyến quốc lộ qua địa bàn thành phố Đà Nẵng gồm 07 tuyến và tuyến đường bộ ven biển. Trong đó kết nối Bắc - Nam gồm 4 tuyến: Quốc lộ 1, đường Hồ Chí Minh, đường Trường Sơn Đông và đường bộ ven biển. Kết nối Đông - Tây gồm 4 tuyến: Quốc lộ 14B, Quốc lộ 14D, quốc lộ 14E và quốc lộ 40B. Định hướng xây dựng các tuyến đường tránh đô thị, tránh khu vực đông dân cư để tăng cường khả năng thông hành của tuyến quốc lộ.

+ Đường tỉnh: Kết hợp với khung giao thông đối ngoại gồm hệ thống đường cao tốc, quốc lộ và đường ven biển, mạng lưới đường tỉnh được quy hoạch đồng bộ nhằm tăng cường kết nối giữa các khu vực phát triển đô thị, công nghiệp, khu chức năng và khu vực miền núi phía Tây. Trong đó, hình thành mới các tuyến Bắc - Nam phía Đông có năng lực kết nối tốc độ cao, phía Tây nhằm mở rộng kết nối vùng trung du và miền núi, và các tuyến kết nối Đông - Tây nhằm tăng cường liên kết, mở rộng không gian phát triển của thành phố. Định hướng xây dựng các tuyến, đoạn tuyến đường tỉnh tránh đô thị, tránh khu vực đông dân cư để tăng cường khả năng thông hành của các tuyến đường tỉnh.

+ Đường liên xã: Quy hoạch xây dựng các trục đường liên xã giúp tăng cường kết nối các xã với nhau. Gồm các trục đường kết nối tối thiểu qua 03 xã hoặc kết nối 02 xã với quốc lộ, đường tỉnh, đồng thời có vai trò quan trọng để phát triển kinh tế xã hội của khu vực.

+ Đường đô thị: Hoàn thiện khung giao thông đô thị theo cấu trúc đa cực, liên kết Bắc - Nam, Đông - Tây và các đường vành đai. Cải tạo, nâng cấp mạng lưới đường đô thị hiện hữu. Bổ sung, hoàn thiện quỹ đất giao thông, bảo đảm đáp ứng yêu cầu phát triển đô thị. Quy hoạch hệ thống đường trục chính đô thị, đường chính đô thị và đường liên khu vực phù hợp với định hướng phát triển

không gian, đảm bảo tính kết nối và khả thi trong quá trình triển khai. Tăng cường kết nối với hệ thống đường sắt quốc gia, đường sắt đô thị, bến cảng, cảng hàng không và các đầu mối giao thông quan trọng.

+ Hệ thống bến xe, bãi đỗ xe: xây dựng hệ thống bến xe khách, bãi đỗ xe trung chuyển đa phương tiện; xây dựng các bến xe tải gắn với các trung tâm logistics, khu, cụm công nghiệp lớn. Ưu tiên dành quỹ đất hợp lý (bao gồm cả các không gian ngầm) để xây dựng các bãi đỗ xe phù hợp nhu cầu từng khu vực, gắn với hệ thống công trình dịch vụ, giao thông công cộng, công viên cây xanh.

- Cảng cạn: Phát triển hệ thống cảng cạn theo Quy hoạch tổng thể phát triển hệ thống cảng cạn quốc gia, xây dựng cảng cạn Hòa Nhơn và phát triển cảng cạn tại các khu logistics có đủ điều kiện.

- Đường thủy nội địa: Phát triển các tuyến, luồng đường thủy nội địa, cảng, bến thủy nội địa đáp ứng nhu cầu đi lại của người dân và tạo điều kiện phát triển du lịch địa phương trên các tuyến sông chính, sông nhánh đảm bảo điều kiện; từ bờ ra đảo, đảo đến đảo; các khu vực lòng hồ. Bố trí các khu neo đậu, tránh, trú bão tại vị trí phù hợp.

- Giao thông công cộng

+ Định hướng phát triển hệ thống đường sắt đô thị trên các hành lang vận tải có nhu cầu giao thông lớn nhằm tăng tỷ phần vận tải hành khách công cộng trong tổng nhu cầu giao thông đô thị, góp phần giảm nhu cầu giao thông cá nhân, hạn chế ùn tắc giao thông trong khu vực trung tâm thành phố.

+ Kết hợp phát triển mạng lưới xe buýt đường bộ, đường thủy đảm bảo bán kính phục vụ, hình thành mạng lưới vận tải xe buýt thu gom cho hệ thống MRT/LRT nhằm tăng khả năng tiếp cận, phục vụ tốt nhu cầu đi lại hằng ngày của người dân bằng hệ thống giao thông công cộng.

c) Chuẩn bị kỹ thuật

- Cao độ nền xây dựng:

+ Vùng phía Đông:

Khu vực chịu tác động bởi lũ của 03 hệ thống sông là: Cu Đê, Vu Gia - Thu Bồn và Tam Kỳ - Trường Giang.

Khu vực đô thị hiện hữu vẫn giữ nguyên cao độ hiện trạng, từng bước có giải pháp công trình (đê, kè, ...), kết hợp với trạm bơm chống ngập để hạn chế tác động dòng chảy lũ tính toán lên đô thị.

Hạn chế phát triển đô thị tại các khu vực đất không thuận lợi xây dựng do ngập lụt (chiều sâu ngập trên 1,5 m). Giữ nguyên cao độ nền đối với công trình hiện trạng, hạn chế tối đa việc tôn nền xây dựng làm ảnh hưởng đến dòng chảy lũ (khu vực này quy hoạch theo hướng sinh thái, công viên bán ngập, ...).

Khu vực xây dựng mới dọc hệ thống sông Cu Đê: Trên cơ sở cao độ xây dựng lựa chọn thấp nhất khu vực ven sông tương ứng tần suất lũ tính toán $P=5\%$, từng bước có giải pháp công trình (đê, kè...) kết hợp với trạm bơm chống ngập để hạn chế tác động dòng chảy lũ $P=1\%$ lên đô thị. Đồng thời, tận dụng địa hình tự nhiên, dòng chảy hiện trạng, bảo đảm thoát nước thuận lợi, nhanh chóng ra nguồn tiếp nhận.

Khu vực xây dựng mới dọc hệ thống sông Vu Gia - Thu Bồn (Hàn, Cẩm Lệ, Yên, Vĩnh Điện, Quá Giáng, Cồ Cò, Ly Ly, Hội An...); hệ thống sông Tam Kỳ - Trường Giang (Bản Thạch, Đầm, Tam Kỳ, Trường Giang...) trên cơ sở cao độ xây dựng lựa chọn thấp nhất khu vực ven sông tương ứng với tần suất lũ tính toán $P=5\%$ (bảo đảm phù hợp với quy chuẩn QCVN 01:2021/BXD và Quy hoạch phòng, chống thiên tai và thủy lợi thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050 được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt tại Quyết định số 847/QĐ-TTg ngày 14 tháng 7 năm 2023). Đồng thời, tận dụng địa hình tự nhiên, dòng chảy hiện trạng, bảo đảm thoát nước thuận lợi, nhanh chóng ra nguồn tiếp nhận.

Khu vực xây dựng mới ven biển, ven vịnh và khu vực cửa sông: Trên cơ sở cao độ xây dựng lựa chọn thấp nhất tương ứng tần suất lũ tính toán $P=1\%$ có xét đến yếu tố biến đổi khí hậu nước biển dâng.

Khu vực cây xanh ven sông: Cao độ nền xây dựng lựa chọn tương ứng tần suất lũ tính toán $P \leq 20\%$ (tùy từng khu vực cụ thể, bảo đảm người dân dễ tiếp cận và tăng khả năng thoát lũ).

+ Vùng phía Tây:

Không xây dựng tại khu vực đất tiềm ẩn nguy cơ tai biến về địa chất nguy hiểm, vùng thường xuyên ngập lụt, lũ ống, lũ quét, khu vực đã được xác định khai thác mỏ, bảo tồn thiên nhiên, khu vực ô nhiễm môi trường chưa được xử lý; hạn chế phát triển xây dựng tại khu vực đất canh tác, đặc biệt là đất canh tác nông nghiệp năng suất cao. Tận dụng quỹ đất đồi núi, gò bãi, đất có năng suất trồng trọt kém để xây dựng và mở rộng các điểm dân cư nông thôn.

Đối với khu vực dân cư nông thôn hiện hữu có nguy cơ lũ quét, sạt lở đất, đá: Phải có biện pháp bảo vệ, hướng dòng lũ quét ra khỏi lưu vực hoặc di dời trong trường hợp cần thiết và bố trí điểm sơ tán khẩn cấp, sử dụng công trình công cộng làm nơi tránh bão, lũ lụt.

Đối với các điểm khu dân cư nông thôn mới: Phải bảo đảm ưu tiên bảo vệ nguồn nước tự nhiên, sông, ao hồ phục vụ nguồn nước chữa cháy. Việc xác định cao độ nền, thoát nước mặt phải kết hợp với hệ thống thủy lợi tiêu, thoát lũ, tận dụng tối đa địa hình tự nhiên. Cao độ xây dựng chỉ san nền cục bộ trong phạm vi cần thiết để xây dựng công trình (nhà ở, công trình công cộng, nhà sản xuất, đường giao thông...); hạn chế san lấp, đào đắp trên diện rộng, tôn trọng địa hình tự nhiên.

Đối với khu vực có địa hình dốc hoặc có chênh cao lớn giữa công trình, đường giao thông và địa hình tự nhiên: Phải có giải pháp bảo đảm ổn định nền, mái dốc taluy âm, taluy dương và phòng chống sạt lở; ưu tiên giải pháp phù hợp địa hình, hạn chế tạo mái dốc, đào đắp lớn và phải kết hợp thoát nước mặt với các giải pháp kè, tường chắn, gia cố mái dốc khi cần thiết.

+ Vùng biển và hải đảo:

Khu vực dân cư nông thôn các xã đảo và đặc khu Hoàng Sa chủ yếu là san gạt tạo mặt bằng xây dựng; tôn trọng địa hình tự nhiên, bảo đảm không ảnh hưởng đến cảnh quan tự nhiên hiện có.

Khu vực đồi núi khi san nền xây dựng phải kết hợp với giải pháp kè bảo vệ đất công trình, khuyến khích sử dụng các giải pháp kè mềm, kè xanh (trồng cỏ, cây xanh...) để tạo cảnh quan xanh, hài hòa cho khu vực.

- Thoát nước mưa:

+ Vùng phía Đông:

Các khu vực đô thị hiện hữu đã hoàn chỉnh hệ thống thoát nước được quy hoạch theo hướng nâng cấp, cải tạo, bổ sung hệ thống thoát nước, hệ thống hồ điều tiết, hệ thống kênh mương thoát nước hiện hữu, tăng hệ số thấm, các giải pháp thoát nước bền vững, theo hướng thích ứng và hạn chế tối đa ngập lụt đô thị.

Quy hoạch hệ thống thoát nước mặt trên nguyên tắc: Khu vực đô thị mới bảo đảm không làm ảnh hưởng đến thoát nước mặt của khu vực đô thị hiện hữu; phân chia lưu vực thoát nước mưa bảo đảm dòng chảy ngăn nhất ra nguồn tiếp nhận, hạn chế tối đa ảnh hưởng bởi triều cường. Các hồ điều tiết được quy hoạch đủ diện tích, thể tích chứa, bảo đảm mục tiêu làm chậm dòng chảy và dựa trên nguyên tắc tận dụng triệt để các vùng trũng thấp để xây dựng.

Các khu vực phát triển đô thị mới phải xây dựng hệ thống thoát nước riêng. Các khu vực đã có hệ thống thoát nước chung nghiên cứu cải tạo thành hệ thống thoát nước nửa riêng hoặc thoát nước riêng.

Mạng lưới thoát nước mưa bảo đảm 100% theo hệ thống đường giao thông.

Chu kỳ tràn cống mương $P=10$ năm, cống chính $P=5$ năm, cống nhánh $P=2$ năm.

+ Vùng phía Tây:

Đối với sông, suối đi qua các khu dân cư, cần cải tạo, gia cố bờ chống sạt lở. Đối với khu dân cư nằm cạnh sườn núi, bố trí mương đón hướng dòng chảy, không để chảy qua khu vực dân cư.

Mạng lưới thoát nước mưa tại các điểm dân cư nông thôn phải bảo đảm 100% theo hệ thống đường giao thông.

+ Vùng biển và hải đảo: Mạng lưới thoát nước tuân thủ theo địa hình tự nhiên.

d) Cấp điện và năng lượng

- Cấp điện

+ Tổng nhu cầu cấp điện đến 2050 hơn 9.400 MW.

+ Phát triển các nguồn điện phù hợp với danh mục các dự án, công trình và công suất được xác định, phân bổ tại Quy hoạch điện VIII điều chỉnh (Quyết định số 768/QĐ-TTg ngày 15 tháng 4 năm 2025) và phương án phát triển mạng lưới cấp điện trong Quy hoạch thành phố (Quyết định số 773/QĐ-UBND ngày 28 tháng 02 năm 2026 của Ủy ban nhân dân thành phố Đà Nẵng).

Tiếp tục nâng cấp và mở rộng công suất các nhà máy điện hiện hữu; thu hút đầu tư phát triển mới các nguồn điện sạch, tái tạo: điện mặt trời, điện gió, điện sinh khối, điện sản xuất từ chất thải rắn, năng lượng sạch (hydrogen, amoniac xanh, ...), các nguồn điện tự sản, tự tiêu, điện mặt trời áp mái và pin lưu trữ; phát triển có chọn lọc các dự án thủy điện, đảm bảo môi trường sinh thái và an ninh nguồn nước. Ưu tiên phát triển điện khí trong nước, phát triển các nguồn điện khí LNG nhập khẩu với quy mô phù hợp nhằm tận dụng nguồn nguyên liệu, nâng cao hiệu quả kinh tế, gắn với thực hiện mục tiêu bảo vệ môi trường. Đầu tư xây dựng mới và cải tạo, nâng cấp lưới điện truyền tải quốc gia và lưới điện phân phối theo phương án phát triển mạng lưới cấp điện đáp ứng mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội của thành phố.

Đầu tư xây dựng mới và cải tạo, nâng cấp lưới điện truyền tải 500 kV, 220 kV theo đúng tiến độ, yêu cầu của Quy hoạch điện VIII điều chỉnh và phương án phát triển mạng lưới cấp điện nhằm đáp ứng kịp thời các mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội của thành phố; bảo đảm tiêu chí an toàn N-1.

+ Phát triển lưới điện 110 kV trên cơ sở khai thác các trạm biến áp hiện hữu bảo đảm cân đối nguồn - tải theo từng khu vực phụ tải; xây dựng mới các trạm biến áp 110 kV phù hợp nhu cầu phụ tải đến năm 2050; cải tạo, nâng công suất các trạm biến áp phục vụ khu công nghiệp và đô thị mới. Bảo đảm đáp ứng yêu cầu chất lượng điện nghiêm ngặt cho công nghiệp bán dẫn, trung tâm dữ liệu, logistics lạnh.

+ Phát triển mạng lưới trung thế theo quy hoạch; ưu tiên cải tạo lưới điện nông thôn, ngầm hóa lưới điện tại khu vực đô thị. Tăng cường kết nối mạch vòng, nâng cao khả năng vận hành, giảm tổn thất điện năng, nâng cao chất lượng điện áp.

+ Chiếu sáng: Đến năm 2050 tỷ lệ khu vực được chiếu sáng đạt tối thiểu 80%, ngầm hóa hệ thống chiếu sáng tại khu vực đô thị; phát triển hệ thống chiếu sáng thông minh, tiết kiệm năng lượng, ứng dụng đèn đi-ốt phát quang (LED) và điều khiển, giám sát tập trung thông qua Trung tâm điều khiển chiếu sáng thông minh.

- Năng lượng

+ Tập trung thúc đẩy triển khai các dự án kho dự trữ xăng dầu, khí đốt và các đường ống; các dự án xử lý/hoá lỏng khí theo Quy hoạch hạ tầng dự trữ, cung ứng xăng dầu, khí đốt quốc gia và Quy hoạch tổng thể về năng lượng quốc gia thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050 nhằm bảo đảm việc dự trữ xăng dầu, khí đốt cho các nhà máy điện, đáp ứng yêu cầu phục vụ sản xuất và đời sống trên địa bàn.

+ Phát triển hệ thống các cửa hàng xăng dầu nhằm bảo đảm cung ứng xăng dầu, khí đốt đáp ứng yêu cầu phục vụ sản xuất và đời sống trên địa bàn.

+ Đầu tư các tuyến ống khí thấp áp, trạm chiết nạp LPG, CNG và LNG để cung cấp khí cho các khu kinh tế, khu thương mại tự do, khu công nghiệp, cụm công nghiệp, khu đô thị, các khách hàng dân dụng (bệnh viện, trường học, khách sạn, khu nghỉ dưỡng...).

+ Trường hợp các quy hoạch phát triển điện lực quốc gia, quy hoạch tổng thể về năng lượng quốc gia, quy hoạch thành phố và các quy hoạch có liên quan được cập nhật, điều chỉnh theo cơ chế, chính sách đặc thù quy định tại Nghị quyết số 253/2025/QH15 ngày 11 tháng 12 năm 2025 của Quốc hội, Nghị định số 272/2026/NĐ-CP ngày 04 tháng 7 năm 2026 của Chính phủ và các quy định của pháp luật có liên quan thì được xem xét cập nhật, điều chỉnh cục bộ quy hoạch chung khi bảo đảm đầy đủ các điều kiện, trình tự, thủ tục theo quy định.

đ) Thông tin, truyền thông

- Phát triển mới các trạm thu, phát sóng đáp ứng nhu cầu, đảm bảo cung cấp dịch vụ cho mọi người dân. Phát triển hạ tầng mạng cáp viễn thông phục vụ phát triển kinh tế - xã hội, thực hiện ngầm hóa mạng cáp viễn thông khu vực đô thị trên toàn thành phố; xây dựng cột treo cáp viễn thông phù hợp với điều kiện từng khu vực. Đẩy nhanh chuyển đổi số ở các lĩnh vực: giáo dục, y tế, nông nghiệp, du lịch, giao thông, năng lượng, tài nguyên môi trường... Phát triển hệ thống cáp quang biển quốc tế, hướng tới hình thành trung tâm dữ liệu quốc gia (HUB) tại Đà Nẵng; hình thành vùng động lực công nghiệp công nghệ thông tin, công nghệ số, thu hút đầu tư sản xuất các sản phẩm điện, điện tử, các sản phẩm internet vạn vật, trí tuệ nhân tạo; nâng cấp, mở rộng và kết nối các khu công nghệ số tập trung trong vùng thành các trung tâm công nghệ số có sức cạnh tranh quốc tế.

- Hình thành trung tâm dữ liệu khu vực (Digital Hub) gắn với Trung tâm tài chính quốc tế Việt Nam tại thành phố Đà Nẵng, phục vụ nhu cầu trong nước và quốc tế.

- Duy trì, đồng thời phát triển thêm hệ thống điểm cung cấp dịch vụ viễn thông công cộng tại các xã, phường để đảm bảo đáp ứng nhu cầu của xã hội về dịch vụ viễn thông công cộng.

- Bảo đảm kết nối số toàn diện cho 100% khu dân cư; coi Internet băng rộng và dịch vụ viễn thông là tiện ích thiết yếu.

- Hoàn thiện hệ sinh thái số: hạ tầng lõi (Data Center, IOC), nền tảng LGSP, cổng dịch vụ/dữ liệu, cơ sở dữ liệu ngành kết nối liên thông.

- Chuyển dịch dịch vụ bưu chính từ truyền thống sang bưu chính số phục vụ thương mại điện tử và logistics.

- Đảm bảo an toàn, an ninh mạng cho toàn bộ hệ thống chính quyền số và dịch vụ công.

- Phát triển công nghiệp ICT, hệ thống báo chí truyền thông hội tụ và xuất bản - in đáp ứng nhu cầu phát triển kinh tế - xã hội của TP. Đà Nẵng.

- Phát triển kết cấu hạ tầng hiện đại, đồng bộ, thông minh và bền vững, quan tâm ưu tiên đầu tư hạ tầng tại các xã miền núi, đảm bảo đủ các hạ tầng: hạ tầng phát thanh, truyền hình; hạ tầng thông tin điện tử và báo chí số; hạ tầng thông tin cơ sở; hạ tầng thông tin đối ngoại; hạ tầng xuất bản - in - phát hành; hạ tầng chung cho hệ thống an ninh mạng và bảo mật dữ liệu cấp ngành; xây dựng Trung tâm điều hành truyền thông thông minh (Media Operation Center) tích hợp giám sát, sản xuất và phân phối nội dung toàn ngành.

e) Cấp nước

- Nguyên tắc lựa chọn nguồn nước: Ưu tiên sử dụng nguồn nước mặt có tính ổn định về lưu lượng và chất lượng.

- Nguồn nước: Hệ thống sông Vu Gia - Thu Bồn (Thu Bồn, Vu Gia, Quá Giáng, Yên, Vĩnh Điện, Túy Loan, ...); sông Cu Đê; hệ thống hồ đập thủy lợi (Phú Ninh, Thái Xuân, ...). Tùy theo từng vị trí lấy nước, kết hợp giải pháp công trình để phòng mặn, bảo đảm an toàn cấp nước.

- Khu vực vùng Tây (miền núi): Các điểm khu dân cư nông thôn áp dụng mô hình cấp nước phân tán theo cụm dân cư, sử dụng nguồn nước tại chỗ.

- Vùng biển và hải đảo: Sử dụng bể chứa nước mưa kết hợp giải pháp công nghệ xử lý nước mặn thành nước ngọt để cấp nước an toàn.

- Tổng nhu cầu dùng nước đến 2050 khoảng 2.000.000 m³/ngày đêm.

- Định hướng công trình cấp nước:

- + Định hướng xây dựng nhà máy nước quy mô lớn từ nguồn nước ổn định kết hợp với hệ thống tuyến ống truyền tải liên vùng để điều hòa và chia sẻ nguồn nước.

+ Cải tạo và nâng cấp các nhà máy nước có quy mô lớn: Cầu Đỏ, Hòa Liên, Hòa Trung, BOO Phú Ninh, Tam Kỳ, Trảng Nhặt, Hội An, Tam Hiệp 1, Tam Hiệp 2, Nam Phước, Ái Nghĩa, Vĩnh Điện 2 và các nhà máy khác.

+ Xây dựng mới các nhà máy nước có quy mô lớn: Hòa Châu, An Trạch, Động Hà Sống, Kiểm Lâm, ...

+ Các nhà máy có quy mô công suất nhỏ hơn 20.000 m³/ngày đêm được xây dựng mới, cải tạo nâng công suất đáp ứng nhu cầu theo quy hoạch.

+ Duy trì sử dụng hệ thống cấp nước nông thôn hiện trạng; cải tạo, nâng cấp hệ thống công trình cấp nước phân tán và ưu tiên khai thác nguồn nước tại chỗ. Đầu tư các công trình cấp nước phân tán mới tại khu vực chưa được cung cấp nước sạch. Căn cứ vào điều kiện hiện trạng và nhu cầu cấp nước cho cụm dân cư nông thôn tập trung để đầu tư mở rộng mạng lưới đường ống và đấu nối vào hệ thống cấp nước đô thị.

- Mạng lưới cấp nước: Xây dựng mạng lưới cấp nước truyền dẫn theo các vùng cấp nước, kết nối với các khu vực phát triển của đô thị theo dạng mạch vòng nhằm bảo đảm cấp nước an toàn. Mạng lưới cấp nước sinh hoạt kết hợp cấp nước chữa cháy áp lực thấp.

g) Thoát nước thải

- Vùng phía Đông (khu vực đô thị): Dự báo lượng nước thải phát sinh đến năm 2050 khoảng 900.000 m³/ngày đêm. Nâng cấp, cải tạo các trạm xử lý nước thải hiện hữu, gồm: Hòa Xuân, Phú Lộc, Sơn Trà, Ngũ Hành Sơn, Liên Chiểu, Tam Kỳ, Hội An, Núi Thành, ...; và xây dựng mới các trạm xử lý nước thải tập trung: Hòa Nhơn, Điện Bàn, Đại Lộc, Duy Nghĩa, Tam Anh, ...

- Vùng phía Tây (khu vực nông thôn): Dự báo lượng nước thải phát sinh đến năm 2050 khoảng 200.000 m³/ngày đêm. Khu vực nông thôn liền kề đô thị sẽ được thu gom cùng hệ thống thoát nước đô thị, các khu vực khác sẽ được nghiên cứu xử lý nước thải phân tán tại chỗ.

- Vùng biển và hải đảo: Dự báo lượng nước thải phát sinh đến năm 2050 khoảng 2.000 m³/ngày đêm. Khu vực sẽ được nghiên cứu xử lý nước thải phân tán tại chỗ.

- Khu vực công nghiệp: Dự báo lượng nước thải phát sinh đến năm 2050 khoảng 350.000 m³/ngày đêm. Nước thải công nghiệp phải được đưa về trạm xử lý nước thải tập trung của khu, cụm công nghiệp, xử lý đạt yêu cầu về môi trường trước khi xả thải.

- Các khu vực đô thị hiện hữu sử dụng hệ thống thoát nước nửa riêng, xây dựng lộ trình chuyển đổi thành hệ thống thoát nước riêng. Khu vực phát triển đô thị mới phải xây dựng hệ thống thoát nước riêng hoàn toàn.

- Vị trí, quy mô công suất, phạm vi phục vụ của các trạm xử lý nước thải tập trung, các công trình đầu mối trên hệ thống và mạng lưới thu gom sẽ được xem xét bổ sung phù hợp với nhu cầu phát triển kinh tế - xã hội và điều kiện thực tế theo từng thời kỳ.

h) Chất thải rắn

- Tổng lượng chất thải rắn phát sinh: Đến năm 2050 khoảng 13.600 tấn/ngày đêm trong đó chất thải rắn sinh hoạt khoảng 8.300 tấn/ngày đêm; chất thải rắn công nghiệp khoảng 5.300 tấn/ngày đêm.

- Tỷ lệ thu gom chất thải rắn sinh hoạt: Khu vực đô thị đạt 100%; khu vực nông thôn đạt tối thiểu 95%.

- Phân loại và thu gom chất thải rắn: Tất cả các loại hình chất thải rắn phải được phân loại tại nguồn. Đối với chất thải rắn nguy hại (công nghiệp, y tế) phải được thu gom và vận chuyển riêng.

- Công nghệ xử lý: Tại các khu xử lý chất thải rắn đô thị, áp dụng công nghệ tiên tiến, hiện đại gồm các nhóm công nghệ: đốt thu hồi năng lượng; tái chế chất thải rắn; chế biến phân vi sinh, ... Các khu xử lý quy mô nhỏ phục vụ nông thôn, miền núi ưu tiên công nghệ đốt, tái chế. Đẩy mạnh kinh tế tuần hoàn để giảm tỷ lệ chôn lấp cuối cùng xuống mức thấp nhất (khuyến khích đầu tư xây dựng các cơ sở thu gom, xử lý chất thải rắn công nghiệp tuần hoàn).

- Định hướng các khu xử lý chất thải rắn:

+ Vùng Đông và vùng lân cận: Chất thải rắn sau khi thu gom, vận chuyển về các khu xử lý chất thải rắn tập trung theo các phân vùng; xây dựng hoàn thiện và đồng bộ hạ tầng thu gom, vận chuyển cho các khu liên hợp xử lý chất thải gồm: Khánh Sơn (diện tích khoảng 70 ha), Đại Lộc (diện tích khoảng 50 ha), Nam Thành phố (diện tích khoảng 100 ha), Quế Cường (diện tích khoảng 50 ha). Riêng khu xử lý chất thải rắn Hội An, thời hạn hoạt động đến năm 2035 là chấm dứt để sử dụng vào mục đích khác phù hợp.

+ Vùng Tây: Quy hoạch xây dựng các khu xử lý chất thải theo định hướng quy hoạch thành phố thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050.

+ Vùng biển và hải đảo: xây dựng khu xử lý chất thải theo nhu cầu của khu vực.

i) Nghĩa trang (không bao gồm nghĩa trang liệt sĩ):

- Tổng nhu cầu diện tích đất nghĩa trang toàn thành phố đến 2050 khoảng 1.700 ha (bao gồm diện tích mai táng, cải táng, di dời mộ...). Trong đó diện tích đất nghĩa trang phục vụ cho vùng Đông và vùng lân cận khoảng 1.600 ha; vùng Tây, biển và hải đảo khoảng 100ha.

- Vùng Đông và vùng lân cận: Quy hoạch mới 05 khu nghĩa trang gồm: Đại Lộc khoảng 360 ha, Xuân Phú khoảng 240 ha, Chiên Đàn khoảng 300 ha, Tam Anh khoảng 340 ha và Núi Thành khoảng 200 ha, tập trung phục vụ vùng Đông và vùng lân cận bảo đảm đáp ứng nhu cầu mai táng, cải táng, lưu giữ tro cốt, di dời mồ mả và phục vụ phát triển đô thị trong từng giai đoạn.

Di dời có lộ trình các nghĩa trang hiện trạng Vùng Đông và vùng phụ cận không bảo đảm khoảng cách an toàn về môi trường, không phù hợp định hướng phát triển đô thị, dành quỹ đất phục vụ phát triển đô thị.

- Vùng Tây: Bố trí hệ thống nghĩa trang phù hợp với quy mô dân số, nhu cầu mai táng, điều kiện tự nhiên và đặc điểm thực tế của từng xã; vị trí, quy mô cụ thể được xác định trong quy hoạch chung cấp xã và các quy hoạch có liên quan.

- Vùng biển và hải đảo: Quy hoạch nghĩa trang với quy mô phù hợp với nhu cầu, điều kiện tự nhiên và quỹ đất của từng khu vực, bảo đảm các yêu cầu về bảo vệ môi trường theo quy định.

- Nhà tang lễ: Bố trí độc lập hoặc kết hợp với các công trình nghĩa trang, cơ sở hỏa táng, bệnh viện, tôn giáo, tín ngưỡng, ... bảo đảm tuân thủ quy chuẩn và các yêu cầu về môi trường.

k) Hạ tầng phòng cháy, chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ

Hoàn thiện mạng lưới trụ sở đơn vị Cảnh sát phòng cháy chữa cháy và cứu nạn cứu hộ phân bổ hợp lý theo các đơn vị hành chính và địa bàn quản lý, bảo đảm bán kính phục vụ theo quy chuẩn và quy định pháp luật. Quy hoạch, cải tạo mạng lưới trục giao thông đô thị bảo đảm chiều rộng, tĩnh không và bán kính quay xe cho phương tiện chữa cháy chuyên dụng tiếp cận; đồng thời đồng bộ tuyến truyền dẫn cấp nước, tuyến thông tin viễn thông, các hạ tầng kỹ thuật khác tuân thủ pháp luật phòng cháy, chữa cháy và cứu nạn cứu hộ, quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về An toàn cháy cho nhà và công trình.

13. Giải pháp bảo vệ môi trường

Xây dựng thành phố môi trường, bảo tồn đa dạng sinh học, khai thác, sử dụng hợp lý tài nguyên; ưu tiên lựa chọn công nghệ giảm phát thải cacbon, phù hợp với Quy hoạch bảo vệ môi trường quốc gia thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050 được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt tại Quyết định số 611/QĐ-TTg ngày 08 tháng 7 năm 2024.

Bảo vệ môi trường gắn với tổ chức không gian phát triển đô thị xanh, sinh thái, kinh tế biển, đô thị, công nghiệp và khai thác khoáng sản theo hướng bền vững; kiểm soát chặt chẽ các nguồn gây ô nhiễm nước, không khí, tiếng ồn tại khu vực đô thị, khu dân cư, khu vực khai thác khoáng sản, khu công nghiệp, cụm công nghiệp, khu kinh tế, khu thương mại tự do, cảng biển, sân bay, khu du lịch, vùng ven vịnh, cửa sông, ven biển và hải đảo, ...

Hoàn thiện hệ thống thu gom, xử lý nước thải đô thị, công nghiệp, du lịch, logistics; kiểm soát nước các cửa xả ra sông, hồ, suối, vịnh và biển ven bờ; phục hồi các sông, suối, kênh, mương, hồ và khu vực ven bờ bị ô nhiễm.

Từng bước giảm xung đột về môi trường (bụi, khí thải, tiếng ồn, ...) giữa không gian ở, du lịch, dịch vụ với các khu sản xuất, công nghiệp hiện trạng; rà soát chuyển đổi công nghệ, tăng khoảng cách ly xanh hoặc từng bước di dời các cơ sở không còn phù hợp.

Quản lý chất thải rắn theo kinh tế tuần hoàn, giảm phát sinh, phân loại tại nguồn, tái chế, tái sử dụng, thu hồi năng lượng, giảm chôn lấp; kiểm soát rác thải nhựa, chất thải nguy hại, chất thải xây dựng, chất thải y tế và chất thải từ các phương tiện hoạt động trên biển, sông, cảng.

Bảo vệ, phục hồi đa dạng sinh học, rừng, bãi triều, san hô, hệ sinh thái ven bờ, đảo, sông, suối, hồ tự nhiên, hành lang sông, hành lang rừng, các khu bảo tồn thiên nhiên; kiểm soát tác động tích lũy của các dự án ven biển, lấn biển, cảng biển, du lịch đảo.

Phát triển mạng lưới hạ tầng xanh - mặt nước kết nối liên hoàn, tăng khả năng giữ nước, thấm nước, bổ cập nước ngầm, điều hòa vi khí hậu, giảm phát thải, chống chịu và thích ứng biến đổi khí hậu; xây dựng hệ thống quan trắc, cơ sở dữ liệu và nền tảng quản trị môi trường số toàn thành phố, phục vụ công tác quản lý, vận hành và giám sát thực hiện.

14. Các giai đoạn thực hiện quy hoạch, chương trình và dự án ưu tiên

a) Phân kỳ thực hiện quy hoạch

- Giai đoạn 2026 - 2030:

Hoàn thiện hệ thống quy hoạch đô thị và nông thôn, quy hoạch chuyên ngành hạ tầng kỹ thuật, quy hoạch không gian ngầm, chương trình và kế hoạch phát triển đô thị, quy chế quản lý kiến trúc làm cơ sở tổ chức thực hiện đồng bộ.

Ưu tiên đầu tư hạ tầng kết nối, hình thành khung hạ tầng chiến lược; triển khai các dự án động lực về thương mại tự do, trung tâm tài chính và đô thị lấn biển trên cơ sở đáp ứng đầy đủ điều kiện theo quy định của pháp luật.

Tập trung đầu tư hạ tầng kỹ thuật, hạ tầng xã hội để hoàn thiện các tiêu chí đô thị loại I.

- Giai đoạn 2030 - 2040:

Hoàn thiện chuỗi đô thị ven biển theo mô hình đa cực gồm cực phía Bắc - khu vực trung tâm Đà Nẵng, cực liên kết Nam Hội An và cực phía Nam Chu Lai - Tam Kỳ - Núi Thành; đồng thời phát triển các đô thị phía Tây và khu vực nông thôn, miền núi theo hướng cân bằng, bền vững.

Phát triển mạng lưới đô thị gắn với giao thông công cộng khối lượng lớn và các khu vực TOD.

Hình thành hệ thống hạ tầng xanh chiến lược gồm hành lang sinh thái sông, hành lang đa dạng sinh học, vùng đệm sinh thái, không gian ngập lũ, quảng trường biển và không gian công cộng ven biển.

Phát triển không gian biển trở thành một động lực tăng trưởng của thành phố; hoàn thiện các hành lang Đông - Tây kết nối vùng công nghiệp, dịch vụ, đô thị ven biển phía Đông với vùng nông, lâm nghiệp phía Tây theo các trục giao thông quốc gia và liên vùng.

- Giai đoạn 2040 - 2050:

Hoàn thiện cấu trúc đô thị đa cực, đa trung tâm, đa tầng, đa lớp; tăng cường liên kết giữa các cực phát triển và mạng lưới đô thị; hình thành các trung tâm đổi mới sáng tạo, công nghệ cao, công nghiệp, công nghiệp văn hóa và logistics; hoàn thiện hạ tầng y tế, giáo dục, du lịch - dịch vụ, giao thông công cộng, hạ tầng số, hạ tầng xanh và các không gian bảo tồn, phát huy di sản văn hóa.

- Sau năm 2050: Tiếp tục phát triển theo hướng cân bằng giữa đô thị và nông thôn, giữa tăng trưởng kinh tế với bảo tồn tài nguyên, di sản và cảnh quan.

b) Các chương trình và dự án ưu tiên

- Danh mục chương trình, dự án ưu tiên đầu tư gồm:

+ Hệ thống giao thông công cộng khối lượng lớn gắn với phát triển đô thị: Tuyến đường sắt đô thị (Metro/LRT), tuyến đường sắt tốc độ cao (HSR) và các khu đô thị phát triển theo mô hình định hướng giao thông công cộng (TOD).

Đầu mối hạ tầng logistics và giao thương quốc tế: Dự án đầu tư xây dựng Cảng Liên Chiểu (bao gồm phần cơ sở hạ tầng dùng chung và các bến cảng, khu logistics hậu cần cảng); Dự án nâng cấp, mở rộng Cảng hàng không quốc tế Chu Lai gắn với trung tâm logistics hàng không; Dự án đầu tư xây dựng hạ tầng kỹ thuật Khu thương mại tự do (FTZ).

+ Hạ tầng tài chính, thương mại và đô thị động lực: Xây dựng Trung tâm Tài chính quốc tế (IFC) và hạ tầng khu vực tài chính tập trung; Dự án đầu tư phát triển các khu đô thị lấn biển.

+ Hạ tầng kết nối liên vùng và quốc tế: Các tuyến giao thông chiến lược thuộc Hành lang kinh tế Đông - Tây (nâng cấp, mở rộng các tuyến quốc lộ 14B, 14D, 14E và kết nối cửa khẩu quốc tế).

+ Hạ tầng kỹ thuật, môi trường và thích ứng với biến đổi khí hậu: Hệ thống công trình thoát nước, trữ nước, xử lý ngập úng và thích ứng với biến đổi khí hậu trên địa bàn thành phố; Dự án đầu tư xây dựng các khu liên hợp xử lý chất thải rắn, hệ thống thu gom và xử lý nước thải đô thị đạt tiêu chuẩn bảo vệ môi trường.

+ Hạ tầng khoa học công nghệ và đổi mới sáng tạo: Tổ hợp Trung tâm nghiên cứu và phát triển (R&D), đào tạo nguồn nhân lực chất lượng cao, khởi nghiệp và đổi mới sáng tạo cấp vùng/quốc tế.

- Các chương trình, dự án ưu tiên đầu tư phải phù hợp với định hướng của Quy hoạch thành phố Đà Nẵng và Quy hoạch chung này trong từng thời kỳ.

- Trong quá trình thực hiện, căn cứ phân kỳ quy hoạch, tình hình phát triển kinh tế - xã hội, nhu cầu đầu tư và khả năng huy động nguồn lực, Ủy ban nhân dân thành phố Đà Nẵng rà soát, đề xuất bổ sung các chương trình, dự án ưu tiên theo thẩm quyền và quy định của pháp luật.

Điều 2. Tổ chức thực hiện

1. Ủy ban nhân dân thành phố Đà Nẵng

- Chịu trách nhiệm toàn diện về tính chính xác, hợp pháp của tài liệu, số liệu, cơ sở dữ liệu và bản đồ sử dụng trong hồ sơ Quy hoạch; bảo đảm sự thống nhất giữa thuyết minh, bản vẽ và các tài liệu của đồ án; xử lý các nội dung chồng chéo, mâu thuẫn trong quá trình tổ chức thực hiện theo thẩm quyền và quy định của pháp luật.

- Hoàn thiện hồ sơ Quy hoạch theo Quyết định này và kết quả thẩm định; gửi Bộ Xây dựng kiểm tra, xác nhận theo quy định; tổ chức lưu trữ, lưu giữ hồ sơ theo quy hoạch.

- Ban hành Quy định quản lý theo Quy hoạch chung thành phố Đà Nẵng đến năm 2050, tầm nhìn đến năm 2075 theo quy định.

- Tổ chức công bố công khai Quy hoạch được phê duyệt; cập nhật, cung cấp thông tin quy hoạch và quản lý hồ sơ theo quy định của pháp luật.

- Ban hành kế hoạch thực hiện Quy hoạch; tổ chức lập, thẩm định, phê duyệt và điều chỉnh các quy hoạch đô thị và nông thôn cấp dưới bảo đảm thống nhất với Quy hoạch chung này và quy định của pháp luật.

- Rà soát, xác định và công bố danh mục các quy hoạch cấp dưới được tiếp tục áp dụng, cần điều chỉnh hoặc thay thế; bảo đảm tính liên tục trong quản lý quy hoạch, đầu tư và xây dựng.

- Quyết định cụ thể các chỉ tiêu kinh tế - kỹ thuật và chỉ tiêu sử dụng đất quy hoạch các khu vực lân cận theo quy định pháp luật về Phát triển đô thị trong quá trình lập Quy hoạch phân khu; kiểm soát quy mô dân số; đồng bộ hệ thống hạ tầng kỹ thuật và hạ tầng xã hội trong khu vực và lân cận; bảo đảm tính chính xác của ranh giới biển, số liệu đo đạc hải văn, thủy văn, bảo vệ môi trường, quốc phòng, an ninh, thích ứng với biến đổi khí hậu và các quy định pháp luật khác liên quan đến hoạt động lân cận trước khi triển khai thực hiện dự án.

- Nguồn lực thực hiện quy hoạch: huy động và sử dụng hiệu quả nguồn lực từ ngân sách nhà nước và các nguồn vốn hợp pháp khác theo quy định của pháp luật; ưu tiên nguồn lực đầu tư các chương trình, dự án trọng điểm; nghiên cứu đề xuất cơ chế, chính sách về đầu tư, đất đai, tài chính và huy động nguồn lực xã hội để triển khai thực hiện quy hoạch.

- Việc triển khai các quy hoạch, chương trình, đề án, kế hoạch, dự án phát triển hệ thống các đô thị này cần được thực hiện trên nguyên tắc đảm bảo đồng bộ, liên kết vùng, liên kết giữa các đô thị, phân bổ nguồn lực hợp lý, hiệu quả, tránh lãng phí nguồn lực đầu tư phát triển.

2. Bộ Xây dựng:

- Chịu trách nhiệm về kết quả thẩm định Quy hoạch theo quy định của pháp luật; hướng dẫn Ủy ban nhân dân thành phố Đà Nẵng trong quá trình tổ chức thực hiện Quy hoạch.

- Kiểm tra, xác nhận hồ sơ Quy hoạch bảo đảm phù hợp với Quyết định phê duyệt của Thủ tướng Chính phủ; tổ chức lưu trữ, lưu giữ hồ sơ theo quy định.

- Phối hợp với Ủy ban nhân dân thành phố Đà Nẵng công bố công khai Quy hoạch được phê duyệt.

- Hướng dẫn, kiểm tra việc tổ chức thực hiện Quy hoạch theo chức năng, nhiệm vụ và quy định của pháp luật.

3. Các bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan có liên quan theo chức năng, nhiệm vụ được giao phối hợp với Ủy ban nhân dân thành phố Đà Nẵng trong quá trình tổ chức thực hiện Quy hoạch; bảo đảm tính đồng bộ, thống nhất giữa quy hoạch chung với quy hoạch ngành, lĩnh vực và các chương trình, dự án có liên quan.

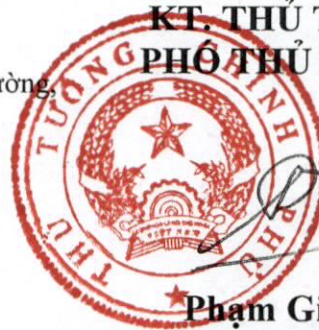
Điều 3. Hiệu lực thi hành

1. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký và thay thế toàn bộ các quy hoạch đô thị và nông thôn cùng cấp độ đã được phê duyệt (bao gồm Quy hoạch chung đô thị, Quy hoạch chung khu chức năng, Quy hoạch vùng huyện); các cấp độ quy hoạch đô thị và nông thôn thấp hơn có nội dung phù hợp với quy định pháp luật tại thời điểm phê duyệt và phù hợp với quy hoạch này vẫn còn hiệu lực thi hành cho đến khi hết thời hạn hiệu lực quy hoạch theo quy định.

2. Bộ trưởng các Bộ: Xây dựng, Tài chính, Nông nghiệp và Môi trường, Công Thương, Quốc phòng, Công an, Văn hóa, Thể thao và Du lịch, Giáo dục và Đào tạo, Khoa học và Công nghệ, Y tế, Nội vụ; Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố Đà Nẵng và Thủ trưởng các cơ quan liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

Nơi nhận:

- Thủ tướng, các Phó Thủ tướng Chính phủ;
- Các Bộ: Xây dựng, Tài chính, Nông nghiệp và Môi trường, Công Thương, Quốc phòng, Công an, Văn hóa, Thể thao và Du lịch, Giáo dục và Đào tạo, Khoa học và Công nghệ, Y tế, Nội vụ;
- Thành ủy, HĐND, UBND thành phố Đà Nẵng;
- VPCP: BTCN, các PCN, Trợ lý TTg, các Vụ, Cục;
- Lưu: VT, CN (2). Tuần 10



**KT. THỦ TƯỚNG
PHÓ THỦ TƯỚNG**

Phạm Gia Túc



Phụ lục
BẢNG TỔNG HỢP SỬ DỤNG ĐẤT QUY HOẠCH
(Kèm theo Quyết định số 2046/QĐ-TTg ngày 21 tháng 10 năm 2026 của Thủ tướng Chính phủ)

STT	Chức năng đất	2040			2050		
		Diện tích (ha)	Tỷ lệ (%)	Chỉ tiêu (m2/người)	Diện tích (ha)	Tỷ lệ (%)	Chỉ tiêu (m2/người)
	Tổng diện tích khu vực quy hoạch (A+B)	1.189.084			1.189.084		
A	Đất tự nhiên thành phố	1.187.034			1.187.034		
B	Khu vực lấn biển	2.050			2.050		
I	Đất xây dựng	167.760 - 173.840	100,00 - 100,00		192.250 - 196.230	100,00 - 100,00	
I.1	Khu đất dân dụng	54.830 - 57.490	32,68 - 33,07	99,7	64.160 - 64.990	33,37 - 33,12	98,7
1	Đơn vị ở	37.970 - 38.470	22,63 - 22,13	85,6	38.870 - 39.070	20,22 - 19,91	79,6
2	Hỗn hợp (có nhà ở)	3.050 - 3.550	1,82 - 2,04		6.520 - 6.620	3,39 - 3,37	
3	Dịch vụ - công cộng đô thị	2.200 - 2.700	1,31 - 1,55	4,0	2.900 - 3.000	1,51 - 1,53	4,5
4	Cơ quan, trụ sở cấp đô thị	110 - 120	0,07 - 0,07		120 - 150	0,06 - 0,08	
5	Cây xanh sử dụng công cộng	3.900 - 4.400	2,32 - 2,53	7,1	5.870 - 5.970	3,05 - 3,04	9,0
6	Giao thông đô thị (*1)	5.500 - 5.650	3,28 - 3,25	10,0	7.300 - 7.500	3,80 - 3,82	11,2
7	Hạ tầng kỹ thuật khác cấp đô thị	2.100 - 2.600	1,25 - 1,50		2.580 - 2.680	1,34 - 1,37	
I.2	Khu đất ngoài dân dụng	112.930 - 116.350	67,32 - 66,93		128.090 - 131.240	66,63 - 66,88	
1	Hỗn hợp (không có nhà ở) (*2)	8.000 - 8.500	4,77 - 4,89		11.460 - 11.960	5,96 - 6,09	
2	Dịch vụ - công cộng ngoài dân dụng (*3)	900 - 1.100	0,54 - 0,63		1.120 - 1.320	0,58 - 0,67	
3	Sản xuất công nghiệp	20.000 - 20.500	11,92 - 11,79		21.420 - 21.920	11,14 - 11,17	
4	Khu công nghệ cao, khu công nghệ số tập trung (*4)	2.000 - 2.100	1,19 - 1,21		2.370 - 2.470	1,23 - 1,26	
5	Trung tâm đào tạo, nghiên cứu	700 - 800	0,42 - 0,46		840 - 940	0,44 - 0,48	
6	Cơ quan, trụ sở ngoài đô thị	10 - 20	0,01 - 0,01		10 - 20	0,01 - 0,01	
7	Trung tâm y tế	130 - 150	0,08 - 0,09		130 - 230	0,07 - 0,12	

STT	Chức năng đất	2040			2050		
		Diện tích (ha)	Tỷ lệ (%)	Chỉ tiêu (m ² /người)	Diện tích (ha)	Tỷ lệ (%)	Chỉ tiêu (m ² /người)
8	Trung tâm văn hóa, thể dục thể thao	1.100 - 1.200	0,66 - 0,69		1.480 - 1.580	0,77 - 0,81	
9	Dịch vụ, du lịch	7.000 - 7.500	4,17 - 4,31		9.700 - 10.200	5,05 - 5,20	
10	Cây xanh sử dụng hạn chế	1.600 - 1.700	0,95 - 0,98		1.830 - 1.930	0,95 - 0,98	
11	Cây xanh chuyên dụng	5.000 - 5.100	2,98 - 2,93		5.950 - 6.050	3,09 - 3,08	
12	Di tích, tôn giáo	780 - 800	0,46 - 0,46		780 - 800	0,41 - 0,41	
13	Điểm dân cư nông thôn	24.680 - 25.180	14,71 - 14,48		26.380 - 26.880	13,72 - 13,70	
14	An ninh (*8)	3.300 - 3.400	1,97 - 1,96		3.300 - 3.400	1,72 - 1,73	
15	Quốc phòng (*8)	7.780 - 7.800	4,64 - 4,49		7.780 - 7.800	4,05 - 3,97	
16	Giao thông (*1)	27.000 - 27.500	16,09 - 15,82		30.510 - 30.610	15,87 - 15,60	
17	Hạ tầng kỹ thuật khác ngoài đô thị	2.950 - 3.000	1,76 - 1,73		3.030 - 3.130	1,58 - 1,60	
II	Khu đất nông nghiệp và chức năng khác	1.021.324 - 1.015.244			996.834 - 992.854		
1	Nghĩa trang, cơ sở tang lễ	5.500 - 5.400			3.080 - 3.000		
2	Sản xuất nông nghiệp	186.342 - 182.812			169.772 - 167.572		
3	Lâm nghiệp (rừng sản xuất, rừng phòng hộ và rừng đặc dụng) (*5)	768.242 - 766.292			764.742 - 763.742		
4	Chưa sử dụng (đất bằng và đồi núi chưa sử dụng) (*7)	3.500 - 3.400			3.100 - 2.600		
5	Hồ, ao, đầm	4.250 - 4.250			4.250 - 4.250		
6	Sông, suối, kênh, rạch	16.890 - 16.890			16.890 - 16.890		
7	Dự trữ phát triển (*6)	4.000 - 3.700			3.500 - 3.400		
8	Nuôi trồng thủy sản	2.100 - 2.000			1.000 - 900		
9	Đặc khu Hoàng Sa	30.500 - 30.500			30.500 - 30.500		

Ghi chú:

(*1) Tổng diện tích đất giao thông: gồm giao thông đô thị và giao thông trong các khu chức năng, giao thông sử dụng lưỡng dụng, giao thông liên kết nội vùng, vùng, quốc gia đạt yêu cầu tại Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về quy hoạch xây dựng QCVN 01:2021/BXD.

(*2) Đất hỗn hợp không có nhà ở căn cứ quy chuẩn 01:2026/BXD đất hỗn hợp không có nhà ở thuộc nhóm đất ngoài dân dụng.

(*3) Đất dịch vụ - công cộng ngoài dân dụng thể hiện đối với các công trình cấp quốc gia và cấp vùng.

(*4) Khu công nghệ cao, khu công nghệ số tập trung: Bổ sung loại đất mới so với thông tư 16 quy định, đất mới phù hợp với nhu cầu vai trò chức năng phát triển của thành phố về các khu công nghệ cao, công nghệ số tập trung.

(*5) Diện tích đất rừng phòng hộ và rừng đặc dụng tuân thủ theo quy hoạch sử dụng đất tại Quyết định số 773/QĐ-TTg ngày 28 tháng 02 năm 2026 về việc phê duyệt điều chỉnh quy hoạch Thành phố Đà Nẵng thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050 và Quyết định số 9150/BTNMT-QLĐĐ ngày 12 tháng 8 năm 2026 về việc phân bổ chỉ tiêu sử dụng đất quốc gia.

(*6) Đất dự trữ phát triển: Là quỹ đất dự phòng phát triển các khu chức năng nhằm thu hút đầu tư tạo động lực cho thành phố thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội của thành phố trong các giai đoạn dài hạn.

(*7) Chưa sử dụng (đất bằng và đồi núi chưa sử dụng): Là diện tích đất chưa được xác định mục đích sử dụng cụ thể theo phân loại đất đai, bao gồm đất bằng chưa sử dụng và đất đồi núi chưa sử dụng theo cách thể hiện tại Thông tư số 16/2025/TT-BXD.

(*8) Đất an ninh, đất quốc phòng tuân thủ theo chỉ tiêu sử dụng đất tại quy hoạch thành phố Đà Nẵng thời kỳ 2021 - 2030 tầm nhìn đến năm 2050.

Quy mô, diện tích, dân số, chỉ tiêu sử dụng đất của các hệ thống đô thị, các khu chức năng và hệ thống các trung tâm mang tính định hướng và sẽ được cụ thể hóa trong quá trình nghiên cứu lập quy hoạch phân khu, quy hoạch chung đô thị đảm bảo phù hợp với quy định hiện hành.